



CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM

**GIẢI PHÁP KỸ THUẬT TỐI ƯU - TIẾN ĐỘ NHANH CHÓNG
DỊCH VỤ ĐA DẠNG - TIẾT KIỆM CHI PHÍ**

<https://eepvn.com.vn/>

 MỤC LỤC

- 03 Thư ngỏ
- 04 Về EEP Việt Nam
- 05 Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi
- 06 Dấu ấn hình thành và phát triển
- 07 Thông tin pháp lý
 - Sơ đồ tổ chức doanh nghiệp
- 09 Năng lực nhân sự
- 10 Bằng cấp, chứng chỉ
- 11 Năng lực tài chính
- 12 Báo cáo tài chính
- 13 Năng lực máy móc, thiết bị
- 14 Tư vấn thiết kế
- 18 Thi công lắp đặt
- 22 Cải tạo sửa chữa
- 26 Bảo trì bảo dưỡng
- 28 Gia công cơ khí chế tạo
- 30 Dự án tiêu biểu
- 35 Đối tác/ Nhà cung cấp

 EEP Việt Nam đã mang tới cho các khách hàng những sản phẩm, dịch vụ tốt nhất, vượt lên trên sự mong đợi của quý khách.

 THƯ NGỎ

Kính chào Quý khách hàng/ Đối tác,

Công ty TNHH Cơ Điện Lạnh EEP Việt Nam xin gửi lời cảm ơn sâu sắc và lời chúc sức khỏe tới quý khách hàng/ đối tác vì đã tin dùng sản phẩm, dịch vụ của chúng tôi trong thời gian qua.

Với sự hội nhập rộng mở của nền kinh tế, ngành công nghiệp nước nhà đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ. Nắm bắt nhu cầu và tiềm năng phát triển, cuối năm 2012, công ty TNHH Cơ Điện EEP được thành lập. Năm 2015, lãnh đạo công ty đã chính thức đổi tên thành Công ty TNHH Cơ Điện Lạnh EEP Việt Nam.

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực Tư vấn - thiết kế; Gia công; Lắp đặt; Cải tạo sửa chữa; Bảo trì bảo dưỡng các hệ thống cơ điện, điện lạnh, PCCC, xây dựng - cải tạo nhà xưởng và các hệ thống phụ trợ cho dây chuyền sản xuất.

Với ưu thế sở hữu nhân sự chuyên môn, kỹ thuật viên giàu kinh nghiệm, đội ngũ công nhân tay nghề cao, được đào tạo bài bản thường xuyên. Hệ thống cơ sở vật chất máy móc, trang thiết bị máy móc, hiện đại. EEP Việt Nam đã mang tới cho các khách hàng những sản phẩm, dịch vụ tốt nhất, vượt lên trên sự mong đợi của quý khách.

Bằng thư ngỏ này, EEP Việt Nam rất mong có được sự hợp tác với quý đối tác, khách hàng tại những dự án phù hợp. Nhằm mang lại giá trị cho hai bên, góp phần chung tay xây dựng nền kinh tế trong nước và khu vực.

Trân trọng cảm ơn!

▶ VỀ EEP VIỆT NAM

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Tư vấn - thiết kế

Thi công, lắp đặt, lắp dựng

Cải tạo sửa chữa

Bảo trì, bảo dưỡng – vệ sinh công nghiệp

Gia công cơ khí chế tạo

Phân phối và thương mại vật tư thiết bị

Các hệ thống cơ điện, điện lạnh, PCCC, xây dựng - cải tạo nhà xưởng và các hệ thống phụ trợ cho dây chuyền sản xuất.

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

Tên đầy đủ: Công ty TNHH Cơ Điện Lạnh EEP Việt Nam.

Tên viết tắt: EEP Việt Nam.

Địa chỉ: Kim Chân, TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

VP Bắc Ninh: Phương Cầu, Phương Liễu, Quế Võ, Bắc Ninh.

VP Hà Nội: 75 Tam Trinh, Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội.

VP Hải Dương: TT Lai Cách – Cẩm Giàng – Hải Dương.

VP Vĩnh Phúc: Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc.

VP Hà Nam: Châu Giang, Duy Tiên, Hà Nam.

VP Hải Phòng: Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng.

Mã số thuế: 2300899487

Hotline: 0222 6538 169 – 0865 937 899

Email: codienlanheepvn@gmail.com

Website: <http://eepvn.com.vn/>

EEP VIỆT NAM CAM KẾT:

Với khách hàng

Với phương châm “An toàn – Chất lượng – Tiến độ và Kỹ thuật - Kinh tế - Chuyên Nghiệp”, EEP Việt Nam đã chú trọng đầu tư từ nhân lực tới hệ thống cơ sở vật chất, máy móc. Mục tiêu mà EEP Việt Nam hướng tới là không ngừng nghiên cứu và học hỏi mang đến cho khách hàng những giải pháp chất lượng và ưu việt nhất.

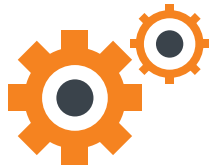
Với nhân viên

Xây dựng môi trường làm việc ổn định, năng động, sáng tạo, cởi mở, chia sẻ thông tin. Đề cao sự công bằng và tạo ra nguồn thu nhập vượt trội cho toàn thể nhân viên.

Với đối tác

Tăng cường quan hệ hợp tác trên tinh thần phát triển bền vững. Đẩy mạnh các gói thầu quy mô lớn tại doanh nghiệp FDI, các nhà máy sản xuất trong nước và có vốn đầu tư nước ngoài.

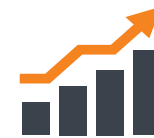
▶ TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

AN TOÀN
CHẤT LƯỢNG
TIẾN ĐỘ

KỸ THUẬT
KINH TẾ
CHUYÊN NGHIỆP



SỨ MỆNH

Trở thành đối tác tin cậy của mọi khách hàng nhờ khả năng cung ứng đa dạng sản phẩm, dịch vụ cơ điện lạnh, PCCC, xây dựng với chất lượng vượt trội.

Tạo ra môi trường làm việc lý tưởng cho toàn thể cán bộ, công nhân viên trong toàn doanh nghiệp.

Đóng góp tích cực xây dựng nền kinh tế trong nước phát triển bền vững.

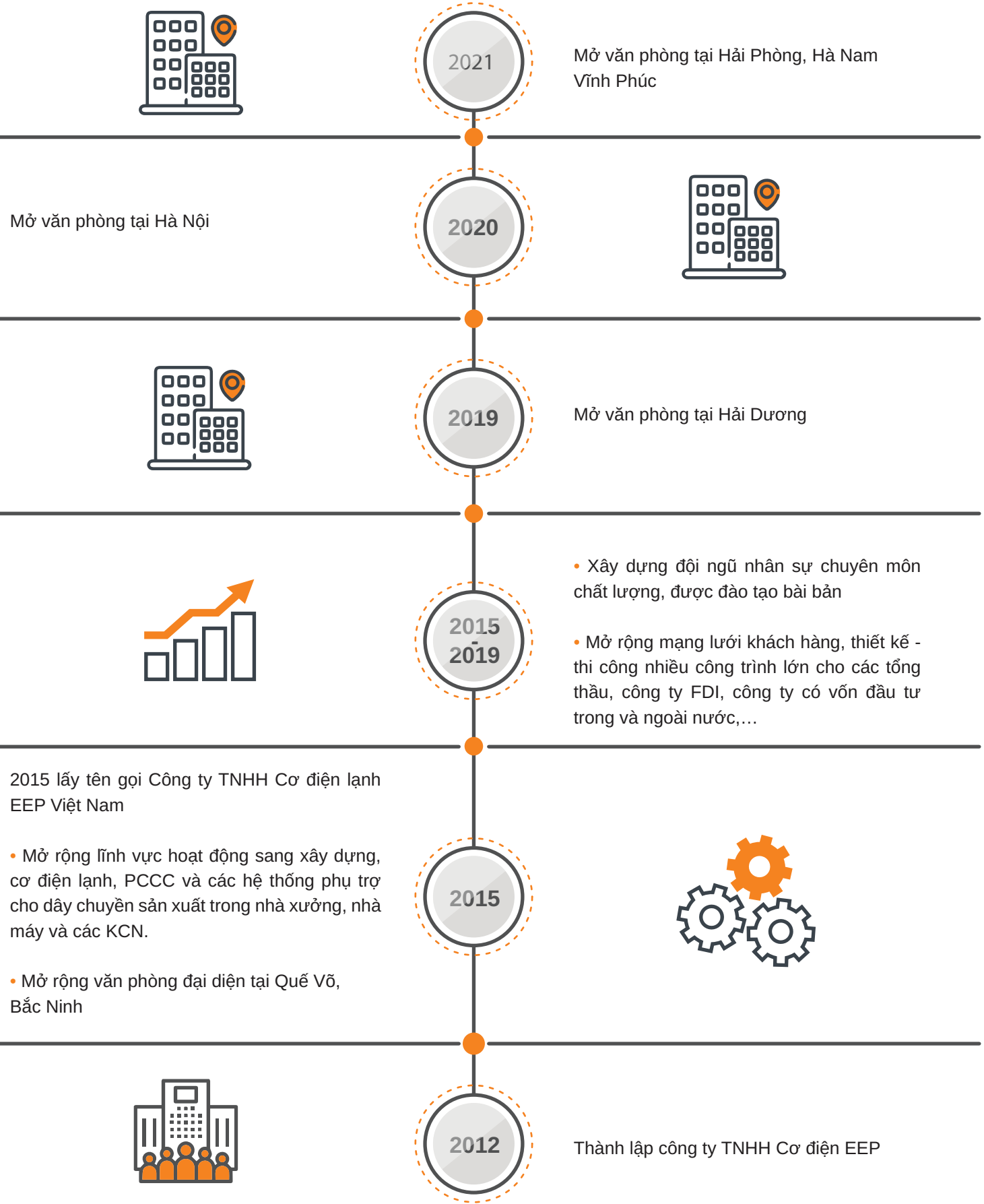


TẦM NHÌN

EEP Việt Nam đang hướng tới mục tiêu trở thành đơn vị đi đầu trong lĩnh vực tư vấn, thiết kế, gia công, lắp đặt – cải tạo sửa chữa – bảo trì bảo dưỡng hệ thống cơ điện lạnh, PCCC, xây lắp – cải tạo nhà xưởng và hệ thống phụ trợ cho dây chuyền sản xuất.



▶ DẤU ẤN HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



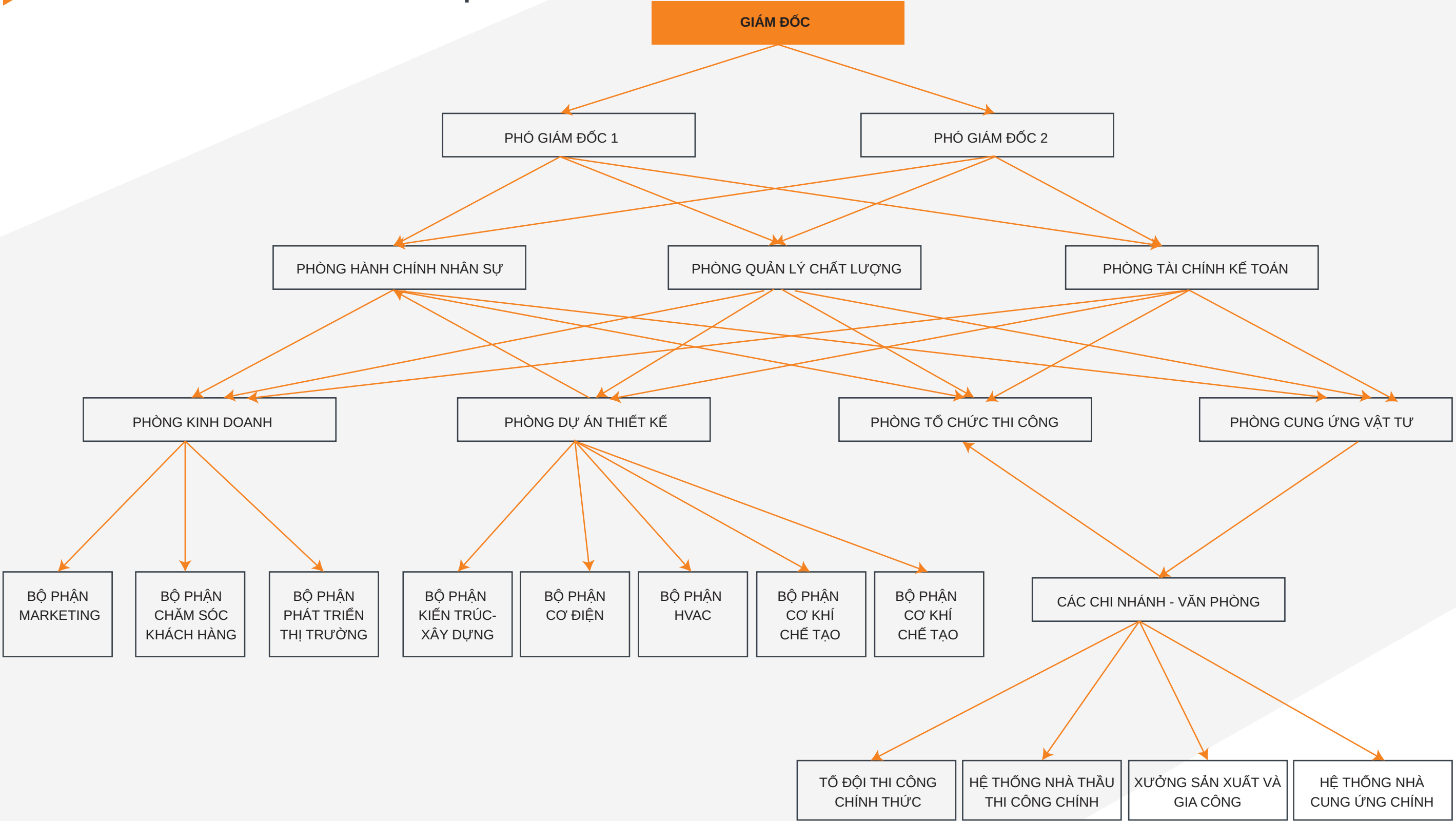
▶ THÔNG TIN PHÁP LÝ



▶ SƠ ĐỒ TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP



► SƠ ĐỒ TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP



► TẠI SAO CHỌN EEP VIỆT NAM?

Trong mọi hoạt động, EEP Việt Nam luôn lấy yếu tố con người làm cốt lõi. Bởi vậy công ty quyết tâm xây dựng một tập thể vững mạnh với hệ thống nhân sự tài ba, đáp ứng mọi nhu cầu về chất lượng, thẩm mỹ và tiến độ cho các công trình trên phạm vi toàn quốc. Chúng tôi có:

- Thi công nhiều dự án lớn các tổng thầu, nhà máy có vốn FDI, công ty có vốn đầu tư nước ngoài,...

- Đội ngũ kỹ sư, giám sát giàu kinh nghiệm, tâm huyết, được tuyển chọn kỹ lưỡng từ những trường kỹ thuật top đầu cả nước.

- Đội thợ thi công, công nhân lành nghề, thường xuyên được đào tạo chuyên môn, nâng cao tay nghề.

- Khả năng cạnh tranh cao bởi sự đa dạng hóa trong cung cấp sản phẩm dịch vụ và tính cơ động cao trong xử lý tình huống.



▶ BẢNG CẤP - CHỨNG CHỈ

Doanh nghiệp cùng nhân sự chủ chốt



Tầm nhìn - Sứ mệnh

EEP Việt Nam đang hướng tới mục tiêu trở thành nhà thầu cơ điện M&E, Nhà thầu xây lắp – cải tạo nhà xưởng và hệ thống phụ trợ cho dây chuyền sản xuất hàng đầu khu vực phía Bắc.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2300899487

Đăng ký lần đầu: ngày 06 tháng 11 năm 2015

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 09 tháng 03 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khu Phú Xuân, Phường Kim Chân, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0964049866

Fax:

Email: *codienlanh.eep@gmail.com*

Website: *eepvn.com.vn*

3. Vốn điều lệ 8.500.000.000 đồng.

Bằng chữ: Tám tỷ năm trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: NGUYỄN THÀNH CHUNG

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 22/01/1990

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 125404448

Ngày cấp: 09/04/2015

Nơi cấp: *Công an tỉnh Bắc Ninh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu Phú xuân, Phường Kim Chân, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Khu Phú xuân, Phường Kim Chân, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THÀNH CHUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/01/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125404448

Ngày cấp: 09/04/2015

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu Phú Xuân, Phường Kim Chân, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu Phú Xuân, Phường Kim Chân, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
VŨ VĂN CƯỜNG



CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
Số: HAP-00052064

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 116/QĐ-SXD ngày 02/03/2021)

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập số: 2300899487.

Ngày cấp: 06/11/2015. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh.

Tên người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành Chung Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Khu Phú Xuân, Phường Kim Chân, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

Số điện thoại: 0964049866

Số fax:

E-mail: codienlanh.eep@gmail.com Website: eepvn.com.vn

Phạm vi hoạt động xây dựng:

1. Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (trừ công trình xử lý chất thải rắn) hạng III.
2. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật hạng III.
3. Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (trừ công trình xử lý chất thải rắn) hạng III.
4. Thi công xây dựng công trình: công nghiệp; hạ tầng kỹ thuật (trừ công trình xử lý chất thải rắn) hạng III.

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 02/03/2031.

Hải Phòng, ngày 02 tháng 03 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Linh

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC22
Ban hành kèm theo Thông tư
số 66/2014/TT-BCA,
ngày 16/12/2014

Số 168/GXN-PCCC

GIẤY XÁC NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 19 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ đề nghị xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy đối với doanh nghiệp, cơ sở tại biên bản kiểm tra ngày 05 tháng 7, năm 2018, của Trung tâm NCUD&ĐT, HL-PCCC, CNGH;.....;

Xét hồ sơ đề nghị của: Công ty TNHH cơ điện lạnh EEP Việt Nam

..... CẢNH SÁT PC&CC TỈNH BẮC NINH

XÁC NHẬN:

..... **CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động)

Số: 2300899487 ngày 06 tháng 11 năm 2015

Cơ quan cấp: Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Ninh

Trụ sở tại: Thôn Kim Đôi, Xã Kim Chân, TP. Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

Người đại diện theo pháp luật là Ông/Bà: Nguyễn Thành Chung

Chức danh: Giám đốc

Giấy CMND/Hộ chiếu số: 125404448

Cơ quan cấp: ... Công an tỉnh Bắc Ninh ngày 09 ... 04 ... /2015 ..

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Phú Xuân, Xã Kim Chân, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

Đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy. *gmr*

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 07... năm 2018



GIÁM ĐỐC

..... **GIÁM ĐỐC**

Đại tá. NGUYỄN VĂN TOÀN

(Kèm theo Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC số 168/GXN-PCCC, ngày 16/10/2018 của Cảnh sát PC&CC tỉnh Bắc Ninh)

PCCC, ngày 16/8/2018 của Cảnh sát PC&CC tỉnh Bắc Ninh)

10/7/2018

Doanh nghiệp Công ty TNHH cơ điện lạnh EEP Việt Nam chỉ được phép hoạt động kinh doanh dịch vụ PCCC đối với các ngành nghề kinh doanh được nêu tại Danh mục này./.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO
VÀ NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG NHẬN

BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ GIÁM SÁT

THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Cấp cho : **Nguyễn Thành Chung**

Sinh ngày: **22/01/1990**

Nơi sinh : **Bắc Ninh**

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ
giám sát thi công xây dựng công trình.

Loại công trình:

- Dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.
- Giao thông
- Thủy lợi, thủy điện

Tổ chức từ ngày: **05 tháng 12 năm 2017**
đến ngày: **24 tháng 12 năm 2017.**

Kết quả xếp loại: **Khá**

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2017.

GIÁM ĐỐC



MẠI VĂN KHÁNH

Số: **424-049**...../EDUPRO





Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

- Cấp cho Ông/Bà: **Nguyễn Thành Chung**
- Ngày, tháng, năm sinh: **22/01/1990**
- Địa chỉ thường trú: **Kim Chân**
TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư Kỹ thuật công trình XD**
- Được phép hành nghề tư vấn trong lĩnh vực PCCC:

- 1. Tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;**
- 2. Tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy;**
- 3. Bồi dưỡng chỉ huy trưởng thi công về**
phòng cháy, chữa cháy.

Hà Nội, ngày **18 / 6 / 2018**



Thiếu tướng Đoàn Việt Mạnh

- Số CMND/Hộ chiếu: **125404448**
cấp ngày **09 / 4 / 2015** tại **CA T. Bắc Ninh**

- Quốc tịch: **Việt Nam**

Chứng chỉ này có giá trị

Từ ngày **18** tháng **6** năm **2018**

Đến ngày **18** tháng **6** năm **2023**

BỘ CÔNG AN



Số vào sổ: BDKTPCCC&CNCH-K16/17

Ngày: 9 / 5 /2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ĐẠI HỌC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Chứng nhận: NGUYỄN THÀNH CHUNG

Sinh ngày: 22/01/1990

Đơn vị công tác: Công ty TNHH cơ điện lạnh
EEP Việt Nam

Đã hoàn thành chương trình: Bồi dưỡng kiến thức
PCCC và CNCH (theo Nghị định 79/2014/NĐ-CP

Từ ngày: 30/6/2017

Đến ngày: 10/3/2018

Đạt loại: Trung bình khá

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2018

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Thiếu tướng, PGS, TS Nguyễn Mạnh Hà

THÔNG TIN CÁ NHÂN



Chữ ký của người
được cấp chứng chỉ

Nội dung hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy:

TT	Lĩnh vực hành nghề
01	Chỉ huy thi công về phòng cháy và chữa cháy



Số chứng chỉ: 0602/2024/PCCC

Họ và tên: **Đào Đình Quân**

Ngày, tháng, năm sinh: **10/6/1997**

Số CCCD/CMND/Hộ chiếu: **034097002572**

Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng**

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Đào Đình Quân
Minh Khương

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

UNIVERSITY OF TRANSPORT AND COMMUNICATIONS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BẢN SAO

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

Bridge and Highway Engineering

cấp

BẰNG KỶ SU

Xây dựng Cầu - Đường

Upon: Mr Do Van Phuc

Cho: Ông Đỗ Văn Phúc

Date of birth: 14 October 1989 In: Thai Binh

Ngày sinh: 14/10/1989 Tại: Thái Bình

Year of graduation: 2013

Năm tốt nghiệp: 2013

Degree classification: Good

Xếp loại tốt nghiệp: Khá

Mode of study: Full-time

Chính quy

Hanoi, 03 April 2013

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2013



K.T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Duy Số hiệu: 057800

Reg. No: 9/K14TX

Số vào sổ cấp bằng: 9/K14TX

PGS.TS. Trần Quốc Sĩ



BẢN SAO

**CỤC TRƯỞNG
CỤC CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH**

- Cấp cho Ông/Bà: **Đỗ Văn Phúc**
- Ngày, tháng, năm sinh: **14/10/1989**
- Địa chỉ thường trú: **Tô Hải, An Mỹ,**
Quỳnh Phụ, Thái Bình.

- Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư xây dựng cầu đường**
- Được phép hành nghề tư vấn trong lĩnh vực PCCC:
- 1. Tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;
- 2. Tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy;
- 3. Bồi dưỡng chỉ huy trưởng thi công về phòng

cháy và chữa cháy.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ DÔNG DỪ

HỌ TÊN: NGUYỄN HỮU TUẤN

Ngày: 11-09-2024

Số chứng thực: 3229

quyển số: 3229

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Ngọc Huỳnh



Nguyễn Hữu Tuấn

- Số CMND/Hộ chiếu: **034089009076**

- cấp ngày **20 / 12 / 2018** tại **Cục Cảnh sát PCCC và CNCH**

- Quốc tịch: **Việt Nam**

Chứng chỉ này có giá trị

Từ ngày **30** tháng **6** năm **2020**

Đến ngày **30** tháng **6** năm **2025**

Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Đặc biệt, trong quá trình hình thành và phát triển, tập thể EEP Việt Nam luôn sát cánh, cùng nhau tiến bước, không ngừng học tập, củng cố kiến thức, tay nghề. Hướng tới mục tiêu trở thành doanh nghiệp vững mạnh trong ngành.

BẢNG THỐNG KÊ NHÂN SỰ CHUYÊN MÔN CỦA EEP VIỆT NAM

STT	Chuyên môn	Số năm kinh nghiệm			Tổng số lượng
		1-3 năm	3-7 năm	>7 năm	
1	Kỹ sư điện	3	3	3	9
2	Kỹ sư cơ khí	1	3	5	9
3	Kỹ sư cấp thoát nước	1	2	1	4
4	Kỹ sư điện lạnh	2	3	3	8
5	Kỹ sư xây dựng	1	3	7	11
6	Kỹ sư an toàn	1	2	2	5
7	Cử nhân kinh tế	5	5	1	11
8	Nhân viên hành chính, quản trị kinh doanh	6	4	3	13
9	Trung cấp điện	5	4	3	12
10	Trung cấp cơ khí	4	4	3	11
11	Thợ bậc 2/7 - 4/7	9	6	2	17
12	Công nhân hành nghề	18	14	5	37
Tổng số nhân lực		56	53	38	147

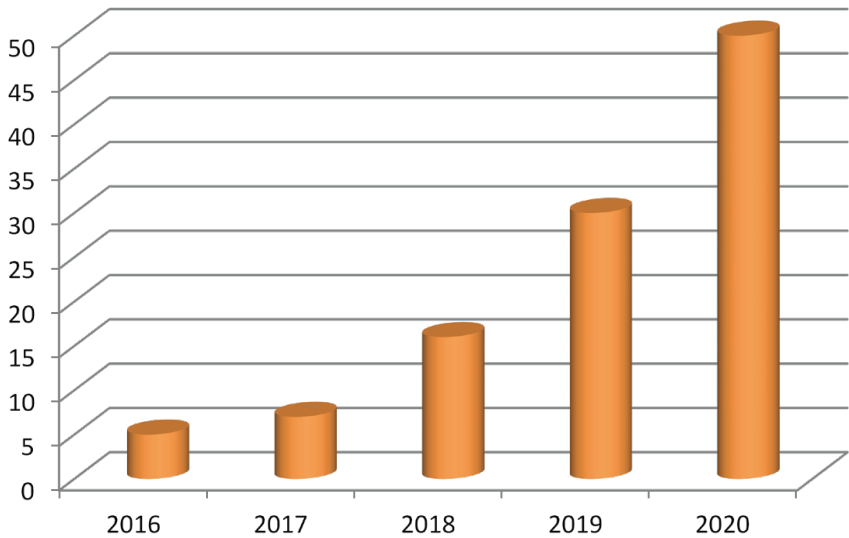
STT	Trình độ	Số lượng	
1	Trên Đại học	Tiến sỹ	1
		Thạc sỹ	5
2	Đại học	Kỹ sư	30
		Cử nhân	32
3	Cao đẳng		20
4	Trung cấp		12
5	Công nhân kỹ thuật bậc cao		18
6	Công nhân kỹ thuật		29
Tổng			147



NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

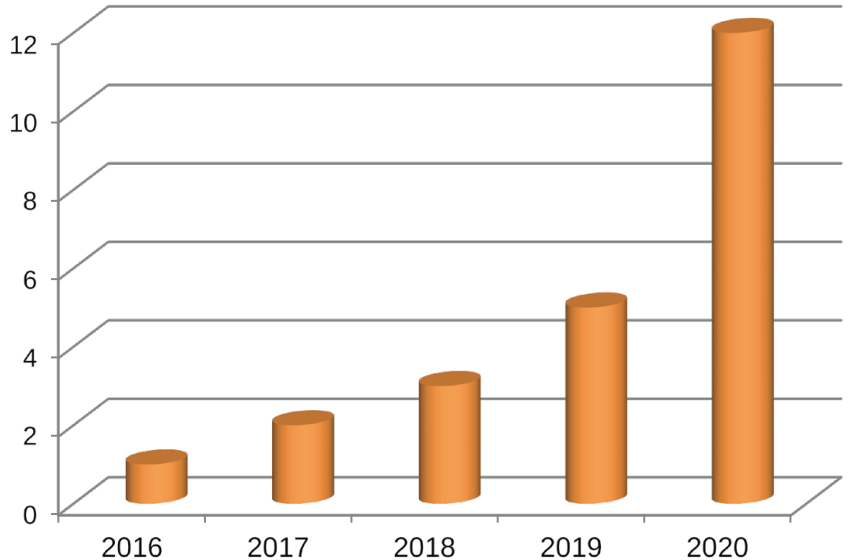
Cho tới thời điểm hiện tại, với nguồn tài chính vững mạnh, EEP Việt Nam cam kết đáp ứng mọi nhu cầu cung ứng, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các dự án theo yêu cầu của khách hàng.

Đơn vị tính (tỷ đồng)
Tổng doanh thu



BIỂU ĐỒ DOANH THU 5 NĂM GẦN NHẤT

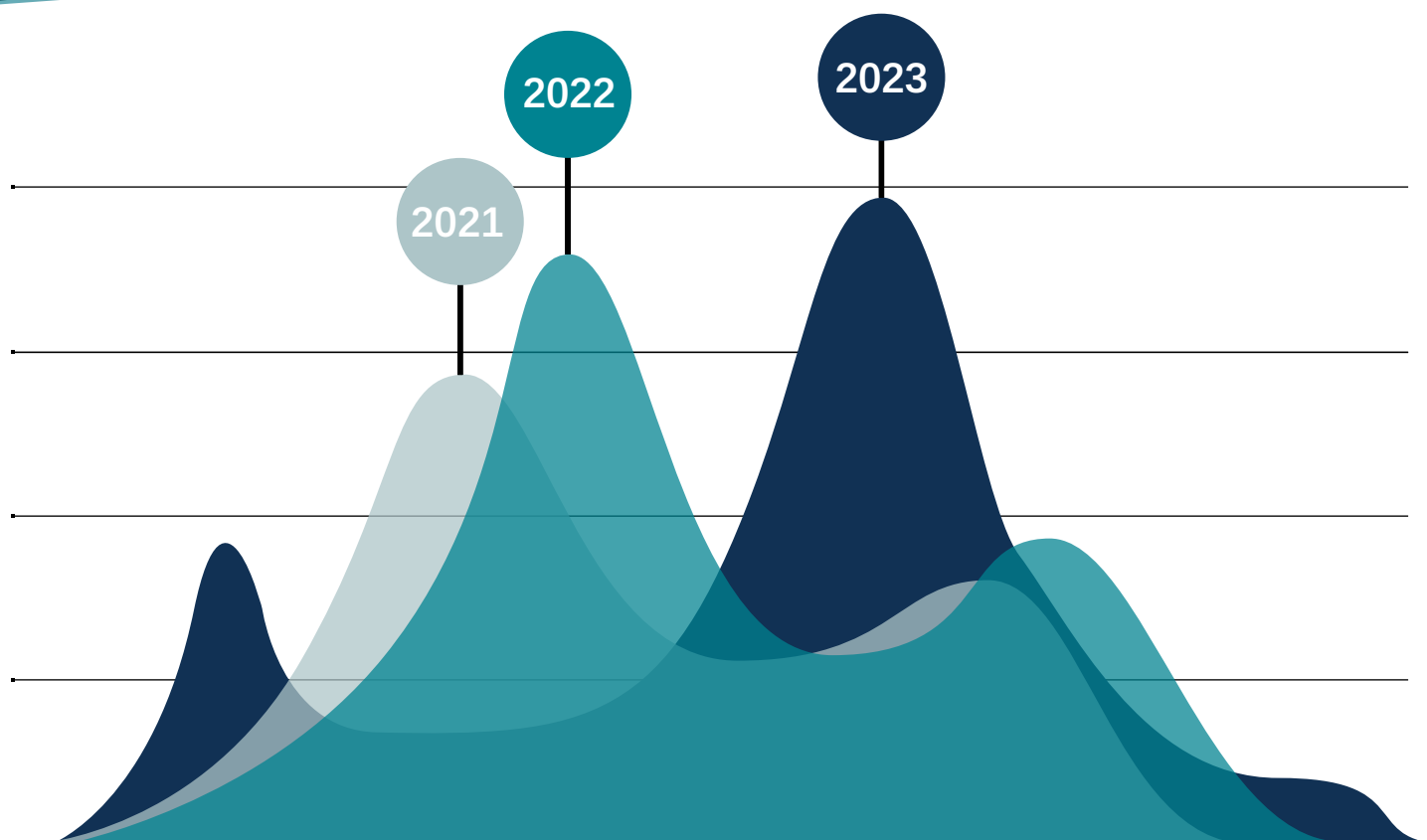
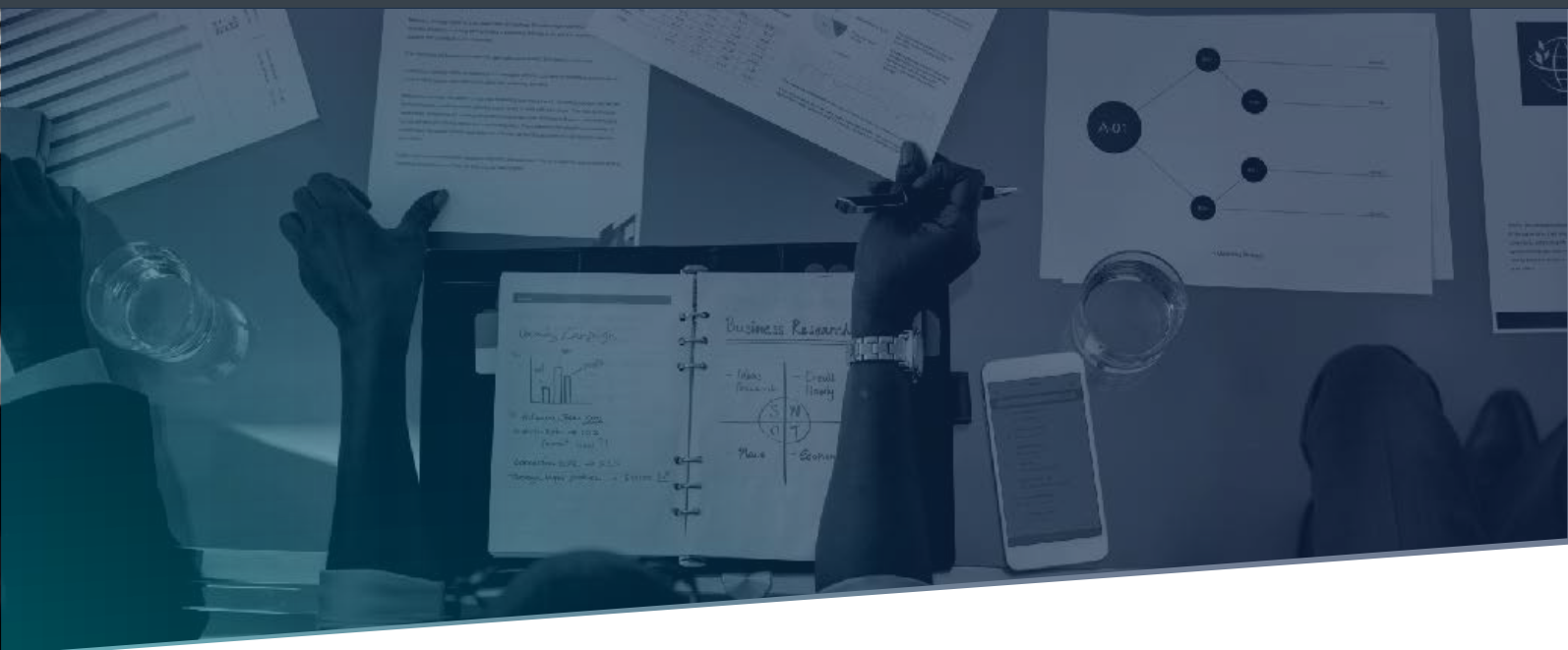
Đơn vị tính (tỷ đồng)
Tổng tài sản cố định



BIỂU ĐỒ TỔNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CỦA DOANH NGHIỆP

▶ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính minh bạch - rõ ràng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **B 01 – DN**
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014 TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021



[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM

[02] Mã số thuế: 2300899487

[03] Địa chỉ: Khu Phố Xuân - Phường
Kim Chân

[04] Quận/Huyện: Thành phố Bắc
Ninh

[05] Tỉnh/Thành phố: Bắc
Ninh

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:

BCTC đã được kiểm toán: ☐

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		31.477.200.176	25.257.525.486
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		30.051.598.920	15.563.139.310
1. Tiền	111	VI.01	30.051.598.920	15.563.139.310
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		197.123.756	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		197.123.756	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 + ... + 137 + 139)	130		246.712.295	6.019.628.994
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.03.a	0	5.235.256.250
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		0	784.372.744
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.04.a	246.712.295	0
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.05	0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140	VI.07	608.468.254	3.103.385.067
1. Hàng tồn kho	141		608.468.254	3.103.385.067
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150 = 151 + 152 + ... + 155)	150		373.296.951	571.372.115
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13.a	362.698.653	571.372.115
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.17.b	10.598.298	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	VI.14.a	0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.731.569.083	1.569.213.225
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 + ... + 216 + 219)	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	VI.03.b	0	0

2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.04.b	0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220		1.714.928.083	1.569.213.225
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221	VI.09	1.714.928.083	1.569.213.225
- Nguyên giá	222		2.333.939.024	1.922.120.842
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(619.010.941)	(352.907.617)
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224	VI.11	0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227	VI.10	0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230	VI.12	0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	240	VI.08	16.641.000	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	VI.08.a	0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.08.b	16.641.000	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ... + 255)	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260		0	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13.b	0	0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.24.a	0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268	VI.14.b	0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		33.208.769.259	26.826.738.711
C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	300		19.083.105.045	13.665.005.076
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 +...+ 323 + 324)	310		19.083.105.045	13.665.005.076
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16.a	6.052.343.645	6.532.086.636
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		417.548.683	3.023.306.241
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17.a	1.822.801.933	2.008.220.444
4. Phải trả người lao động	314		9.863.724.533	963.017.296
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18.a	0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0

7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	VI.20.a	0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19.a	252.993.374	464.681.582
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		673.692.877	673.692.877
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.23.a	0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 342 + 343)	330		0	0
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	VI.18.b	0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	VI.20.b	0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.19.b	0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	VI.24.b	0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	VI.23.b	0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		14.125.664.214	13.161.733.635
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + ... + 421 + 422)	410	VI.25	14.125.664.214	13.161.733.635
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411		8.500.000.000	8.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		8.500.000.000	8.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421		5.625.664.214	4.661.733.635
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.661.733.635	906.557.957
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		963.930.579	3.755.175.678
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430	VI.28	0	0
I. Nguồn kinh phí	431		0	0

2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	33.208.769.259	26.826.738.711

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2022
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".
- (4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

Mẫu số: **B 02**
– DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
~~200/2014/TT-~~
~~BTC~~ Ngày
~~22/12/2014~~
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM

[03] Mã số thuế: 2300899487

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	35.826.487.690	42.883.947.022
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	361.526.750	18.853.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		35.464.960.940	42.865.094.022
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	30.934.939.113	24.471.406.801
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4.530.021.827	18.393.687.221
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	343.599	391.196
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	45.615.353	61.884.576
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8	9.796.690	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	3.096.772.575	13.787.543.132
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.378.180.808	4.544.650.709
11. Thu nhập khác	31	VII.6	28.600	37.937.261
12. Chi phí khác	32	VII.7	138.636.947	208.272.448
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(138.608.347)	(170.335.187)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.239.572.461	4.374.315.522
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	275.641.882	619.139.844
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.11	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		963.930.579	3.755.175.678
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2022
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

Mẫu số: **B 03**
– DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM

[03] Mã số thuế: 2300899487

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		41.106.080.670	42.272.064.057
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(16.621.237.561)	(16.364.122.473)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.341.664.676)	(16.652.178.375)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(45.615.353)	(61.884.576)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(168.870.277)	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.125.100	477.612.001
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.242.434.537)	(4.114.179.509)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.693.383.366	5.557.311.125
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.800.000)	(89.600.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(371.466.675)	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		174.342.919	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(204.923.756)	(89.600.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		0	740.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		0	(148.224.263)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		0	591.775.737
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		14.488.459.610	6.059.486.862
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15.563.139.310	9.503.652.448
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	VIII	30.051.598.920	15.563.139.310

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2022
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số: **B 01 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM

[02] Mã số thuế: 2300899487

[03] Địa chỉ: Khu Phú Xuân - Phường
Kim Chân

[04] Quận/Huyện: Thành phố Bắc
Ninh

[05] Tỉnh/Thành phố: Bắc
Ninh

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:

BCTC đã được kiểm toán: ☐

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		39.434.437.082	31.477.200.176
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		1.652.127.954	30.051.598.920
1. Tiền	111	VI.01	1.652.127.954	30.051.598.920
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		0	197.123.756
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	197.123.756
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 + ... + 137 + 139)	130		37.456.996.480	246.712.295
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.03.a	10.939.989.745	0
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.040.754.868	0
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.04.a	20.476.251.867	246.712.295
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.05	0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140	VI.07	133.750	608.468.254
1. Hàng tồn kho	141		133.750	608.468.254
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150 = 151 + 152 + ... + 155)	150		325.178.898	373.296.951
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13.a	316.450.816	362.698.653
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		(1.870.216)	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.17.b	10.598.298	10.598.298
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	VI.14.a	0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.488.869.674	1.731.569.083
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 + ... + 216 + 219)	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	VI.03.b	0	0

2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.04.b	0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220		1.448.824.759	1.714.928.083
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221	VI.09	1.448.824.759	1.714.928.083
- Nguyên giá	222		2.333.939.024	2.333.939.024
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(885.114.265)	(619.010.941)
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224	VI.11	0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227	VI.10	0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230	VI.12	0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	240	VI.08	40.044.915	16.641.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	VI.08.a	0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.08.b	40.044.915	16.641.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ... + 255)	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260		0	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13.b	0	0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.24.a	0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268	VI.14.b	0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		40.923.306.756	33.208.769.259
C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	300		26.463.478.215	19.083.105.045
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 323 + 324)	310		26.463.478.215	19.083.105.045
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16.a	11.332.186.540	6.052.343.645
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.306.375.757	417.548.683
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17.a	1.207.233.434	1.822.801.933
4. Phải trả người lao động	314		1.002.793.108	9.863.724.533
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18.a	0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0

7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	VI.20.a	0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19.a	230.115.518	252.993.374
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		2.384.773.858	673.692.877
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.23.a	0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 +...+ 342 + 343)	330		0	0
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	VI.18.b	0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	VI.20.b	0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.19.b	0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	VI.24.b	0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	VI.23.b	0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		14.459.828.541	14.125.664.214
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 +...+ 421 + 422)	410	VI.25	14.459.828.541	14.125.664.214
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411		8.500.000.000	8.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		8.500.000.000	8.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421		5.959.828.541	5.625.664.214
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.625.664.214	4.661.733.635
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		334.164.327	963.930.579
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430	VI.28	0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0

2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	40.923.306.756	33.208.769.259

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2023
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".
- (4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: B 02
– DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2022

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM

[03] Mã số thuế: 2300899487

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	29.248.282.708	35.826.487.690
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	122.560.000	361.526.750
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		29.125.722.708	35.464.960.940
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	20.911.597.897	30.934.939.113
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		8.214.124.811	4.530.021.827
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	17.927.768	343.599
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	143.151.142	45.615.353
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8	8.464.516	9.796.690
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	7.445.050.718	3.096.772.575
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		635.386.203	1.378.180.808
11. Thu nhập khác	31	VII.6	0	28.600
12. Chi phí khác	32	VII.7	174.144.635	138.636.947
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(174.144.635)	(138.608.347)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		461.241.568	1.239.572.461
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	127.077.241	275.641.882
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.11	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		334.164.327	963.930.579
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2023
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2022

Mẫu số: B 03
– DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM

[03] Mã số thuế: 2300899487

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		30.584.759.520	41.106.080.670
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(15.753.808.521)	(16.621.237.561)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(21.653.617.756)	(6.341.664.676)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(143.151.142)	(45.615.353)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(618.947.207)	(168.870.277)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		125.375.970	7.125.100
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(22.847.671.565)	(3.242.434.537)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(30.307.060.701)	14.693.383.366
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	(7.800.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(441.466.279)	(371.466.675)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		638.590.035	174.342.919
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		197.123.756	(204.923.756)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		3.846.745.762	0
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.135.664.781)	0
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.711.080.981	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(28.398.855.964)	14.488.459.610
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		30.050.983.918	15.563.139.310
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	VIII	1.652.127.954	30.051.598.920

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2023
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số: B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014 TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM

[02] Mã số thuế: 2300899487

[03] Địa chỉ: Khu Phú Xuân - Phường
Kim Chân

[04] Quận/Huyện: Thành phố Bắc
Ninh

[05] Tỉnh/Thành phố: Bắc
Ninh

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:

BCTC đã được kiểm toán: ☐

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		69.339.481.746	39.434.437.082
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		20.160.736.883	1.652.127.954
1. Tiền	111	VI.01	20.160.736.883	1.652.127.954
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 + ... + 137 + 139)	130		40.510.716.690	37.456.996.480
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.03.a	8.349.475.191	10.939.989.745
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.818.042.049	6.040.754.868
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.04.a	21.343.199.450	20.476.251.867
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.05	0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140	VI.07	7.886.261.938	133.750
1. Hàng tồn kho	141		7.886.261.938	133.750
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150 = 151 + 152 + ... + 155)	150		781.766.235	325.178.898
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13.a	328.947.528	316.450.816
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	(1.870.216)
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.17.b	452.818.707	10.598.298
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	VI.14.a	0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.182.721.435	1.488.869.674
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 + ... + 216 + 219)	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	VI.03.b	0	0

2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.04.b	0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220		1.182.721.435	1.448.824.759
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221	VI.09	1.182.721.435	1.448.824.759
- Nguyên giá	222		2.333.939.024	2.333.939.024
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.151.217.589)	(885.114.265)
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224	VI.11	0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227	VI.10	0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230	VI.12	0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	240	VI.08	0	40.044.915
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	VI.08.a	0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.08.b	0	40.044.915
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ... + 255)	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260		0	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13.b	0	0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.24.a	0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268	VI.14.b	0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		70.522.203.181	40.923.306.756
C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	300		54.300.380.864	26.463.478.215
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 323 + 324)	310		54.300.380.864	26.463.478.215
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16.a	13.030.030.299	11.332.186.540
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		28.737.362.051	10.306.375.757
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17.a	277.353.107	1.207.233.434
4. Phải trả người lao động	314		7.855.001.254	1.002.793.108
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18.a	0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0

7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	VI.20.a	0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19.a	1.066.373.698	230.115.518
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		3.334.260.455	2.384.773.858
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.23.a	0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 342 + 343)	330		0	0
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	VI.18.b	0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	VI.20.b	0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.19.b	0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	VI.24.b	0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	VI.23.b	0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		16.221.822.317	14.459.828.541
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + ... + 421 + 422)	410	VI.25	16.221.822.317	14.459.828.541
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411		8.500.000.000	8.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		8.500.000.000	8.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421		7.721.822.317	5.959.828.541
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.625.664.214	5.625.664.214
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.096.158.103	334.164.327
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430	VI.28	0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0

2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	70.522.203.181	40.923.306.756

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2024
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".
- (4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: B 02
- DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM

[03] Mã số thuế: 2300899487

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	23.104.655.851	29.248.282.708
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	14.787.000	122.560.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		23.089.868.851	29.125.722.708
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	16.850.141.951	20.911.597.897
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		6.239.726.900	8.214.124.811
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	368.355	17.927.768
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	306.740.338	143.151.142
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8	0	8.464.516
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	3.539.414.124	7.445.050.718
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		2.393.940.793	635.386.203
11. Thu nhập khác	31	VII.6	6.480.000	0
12. Chi phí khác	32	VII.7	158.342.858	174.144.635
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(151.862.858)	(174.144.635)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.242.077.935	461.241.568
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	480.084.159	127.077.241
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.11	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.761.993.776	334.164.327
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2024
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

Mẫu số: B 03
– DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM

[03] Mã số thuế: 2300899487

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		46.400.941.592	30.584.759.520
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(25.304.035.487)	(15.753.808.521)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.000.000)	(21.653.617.756)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(308.651.014)	(143.151.142)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(693.200.413)	(618.947.207)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.505.550.966	125.375.970
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.653.140.304)	(22.847.671.565)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		17.944.465.340	(30.307.060.701)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	(441.466.279)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	638.590.035
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		0	197.123.756
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		4.607.819.896	3.846.745.762
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.043.676.307)	(2.135.664.781)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		564.143.589	1.711.080.981
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		18.508.608.929	(28.398.855.964)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.652.127.954	30.050.983.918
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	VIII	20.160.736.883	1.652.127.954

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2024
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

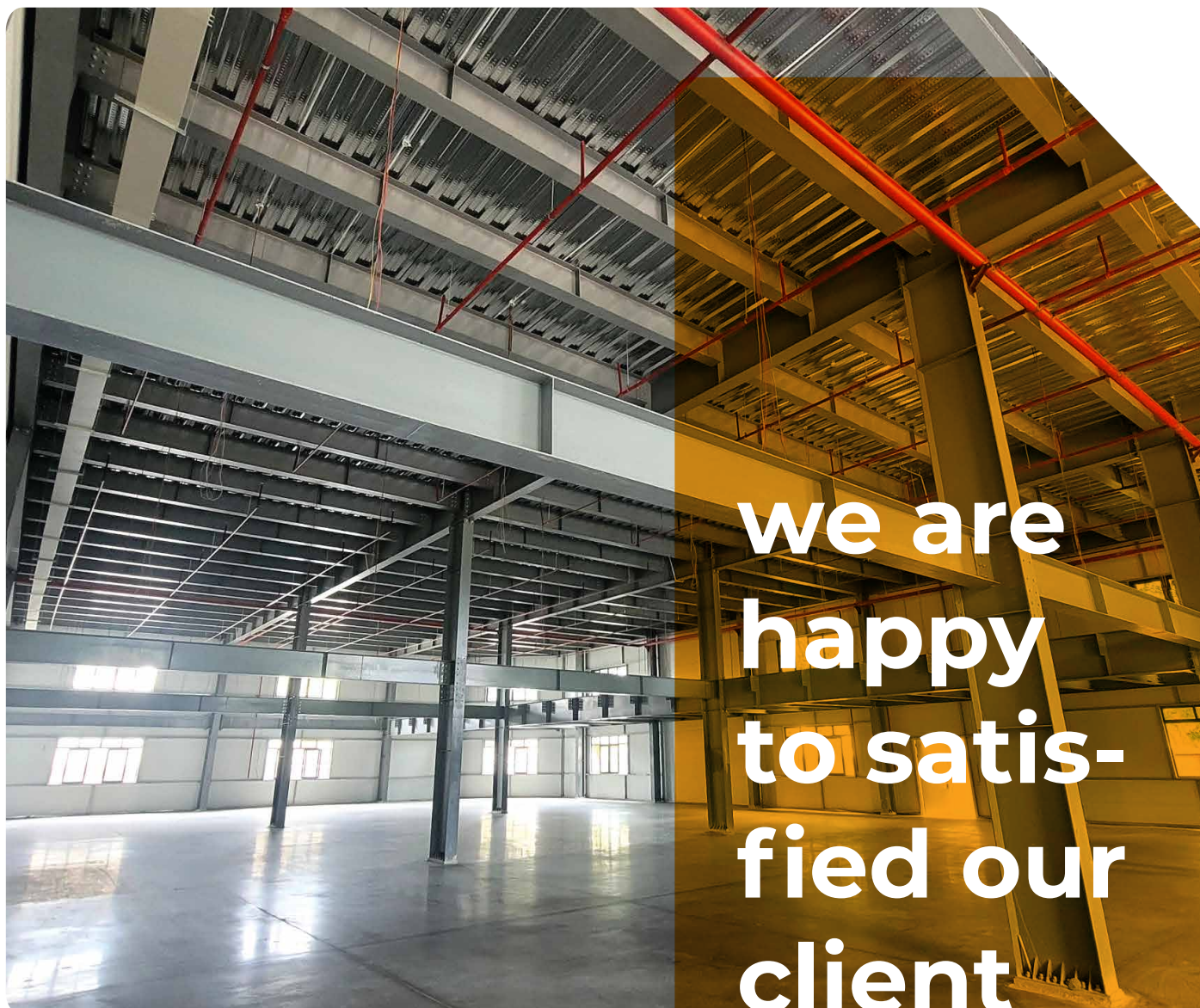
Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM.



we are
happy
to satis-
fied our
client

Tôn chỉ làm việc của EEP

An toàn – Vệ sinh
Chất lượng kỹ thuật
Chất lượng dịch vụ
Giá thành
Tính thẩm mỹ
Sự uy tín

01/05/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

越南社会主义共和国

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

独立- 自由- 幸福

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THI CÔNG CẢI TẠO HỆ THỐNG PCCC

消防施工改造合同

Số 编号: 02/2020 /HDDV/PCCC/VESOLAR-EEP

- Căn cứ bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017;

依据民事法规编号 91/2015/QH13 经越南国会第十聚于 2015/11/24 日通过以及 01/01/2017 起生效;

- Căn cứ Luật Thương mại được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua vào ngày 14/6/2005, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2006;

根据贸易法规经越南国会于 14/6/2005 通过以及 01/1/2006 起生效

- Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

根据建设法律编号 50/2014/QH13 于 2014/06/18 日签发

- Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

根据建设投资管理法令编号 59/2015/NĐ-CP 于 2015/06/18 签发

- Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

根据工程建设及质量管理法令编号 46/2015/NĐ-CP 于 2015/05/12 签发

- Căn cứ Luật Phòng cháy chữa cháy năm 2001, được sửa đổi bổ sung năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

依据 2001 年发布的消防法规, 且在 2013 年更改补充及设施指导文本

- Căn cứ vào nội dung làm việc giữa 2 bên về các nội dung hợp đồng và công tác triển khai thực hiện thi công lắp đặt hệ thống PCCC tại Nhà máy VESOLAR;

根据双方在 VESOLAR 工厂展开施工安装消防系统各方面的工作内容

- Căn cứ Biên bản làm việc ngày 22/6/2020 giữa Công ty TNHH Cơ điện lạnh EEP Việt Nam và Công ty TNHH Vesolar.

-根据 VESOLAR 公司于 EEP 公司 2020 年 06 月 22 号的开会记录

Hôm nay, ngày 25 tháng 6 năm 2020, chúng tôi gồm có:

今日, 于 2020 年-06 月 25 日, 我们包含:

1. BÊN GIAO THẦU: CÔNG TY TNHH VESOLAR

分包商: VESOLAR 责任有限公司

Đại diện 公司代表 : Ông **QIANG SU LING** Chức vụ 职务: **Phó Giám đốc** 副经理

(Theo Giấy ủy quyền số 1116001/2019/GUQ-VESOLAR ngày 19/11/2019 của ông HE WENZHEN – Công ty TNHH Vesolar)

(依据何文甄授权书编号 1116001/2019/GUQ-VESOLAR 于 2019 年 11 月 19 日-VESOLAR 光伏公司)

Địa chỉ : Lô CN2-7, Khu công nghiệp Quế Võ 3, Xã Việt Hùng, Huyện Quế Võ, Bắc Ninh, Việt Nam.

地址 : 越南北宁省, 桂武县, 越雄乡, 桂武三工业区

Điện thoại 电话 :

Mã số thuế 税号 : 2301108956

Tài khoản 账户 : 1012477855 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc ninh 越南外伤银行- 北宁分行。

Sau đây được gọi tắt là Bên A. 以下称为甲方

2. BÊN NHẬN THẦU: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM

承包商: 越南 EEP 冷却机电责任有限公司

Đại diện 公司代表 : Ông NGUYỄN THÀNH CHUNG 阮铖钟先生

Chức vụ 职务 : Giám đốc 经理

Địa chỉ : Khu Phú Xuân, Phường Kim Chân, Thành Phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

地址 : 越南, 北宁省, 北宁市, 金真坊, 富春区

Điện thoại 电话 : 0222.6538.169

MST 税号 : 2300899487

Số TK 账户 : 0351000928763 Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Bắc Ninh 越南外商银行- 北宁分行。

Sau đây được gọi tắt là Bên B. 以下称为乙方

Sau khi thoả thuận, hai bên cùng ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

经双方讨论与协商, 双方同意签约以下条款:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC ĐƯỢC GIAO

Đầu tiên: 工作交接内容

Bên A giao cho Bên B thiết kế, thẩm duyệt, kiểm định phương tiện, cung cấp vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, nghiệm thu hệ thống Phòng cháy chữa cháy cho Bên A tại Nhà máy VESOLAR; địa chỉ Lô CN2-7, Khu công nghiệp Quế Võ 3, Xã Việt Hùng, Huyện Quế Võ, Bắc Ninh, Việt Nam (Sau đây gọi chung là “Công trình”). Nội dung công việc bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

甲方授权给乙方设计, 审批通过消防方案, 消防设备鉴定, 供应设备, 物资, 施工安装, 授权给甲方在越南北宁省, 桂武县, 越雄乡, 桂武三工业区验收消防系统, 以下称为“工程”工作内容包含但不限于以下工作:

+ Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

设计消防系统确保符合越南现行的法律法规

+ Thẩm duyệt hồ sơ thiết kế về hệ thống phòng cháy chữa cháy cho nhà máy VESOLAR và được cơ quan cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ công an tỉnh Bắc Ninh chấp

loại, quy cách như đã thỏa thuận thì hai bên tiến hành lập Biên bản tại chỗ và Bên B phải chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan phát sinh.

乙方交出设备时, 甲方主管代表与乙方合作对设备的数量, 规格和类型进行核 查 。如果发现货物丢失或不在约定的正确种类和规格范围内, 则双方应当场记录, 乙方承担由此产生的一切相关责任。

Hai bên thống nhất rằng, Bên A không thể kiểm tra toàn bộ chất lượng hàng hóa tại thời điểm giao nhận. Trong quá trình vận hành, sử dụng nếu Bên A có phát hiện thiết bị không đảm bảo chất lượng và nguyên nhân được xác định do lỗi của Bên B gây ra thì Bên B vẫn phải chịu toàn bộ trách nhiệm phát sinh.

双方同意, 甲方不能在交货时检查货物的整体质量在操作和使用过程中, 如果甲方检测到设备质量不合格, 并且由于乙方的过错确定了原因, 则乙方将承担所有由此产生的责任。

3.2.4. Giám sát thi công: 施工监督

Cử giám sát kỹ thuật theo dõi tại Công trình và nghiệm thu khối lượng công việc đã hoàn thành. Đồng thời chỉ định đại diện của mình để giải quyết tất cả công việc có liên quan tới việc thực hiện Hợp đồng.

派技术监督员监督工程, 并验收已完成的工作量。同时指定自己代表解决合同实施有关事项。

3.2.5. Thay đổi, bổ sung: 更改补充

Khi Bên A có những nội dung yêu cầu cần thay đổi bổ sung sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B kịp thời để không làm ảnh hưởng hoặc gián đoạn quá trình thi công của Bên B.

甲方诺有更改补充事项应将乙方书面及时通知以及不影响到或间断乙方施工过程中

3.2.6. Nghiệm thu: 验收

- Chủ trì nghiệm thu công tác xây lắp, nghiệm thu Công trình hoàn thành đưa vào sử dụng.
- Bên A chỉ chấp thuận nghiệm thu, thanh toán Đợt 4 cho Bên B các hạng mục trong phạm vi Hợp đồng đã ký và khi các hạng mục này đã đạt chất lượng theo đúng quy định và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền nghiệm thu, phê duyệt.

对于工程安装主持验收使用工程。甲方只应许合同项目范围内付第四次, 并且此项目已经达成质量标准以及国家职权机关审批, 验收后才给乙方付款。

ĐIỀU 4: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

合同价值与付款方式

4.1. Giá trị Hợp đồng: 合同价值

Giá trị hợp đồng trước thuế 税前金额	: 3.600.000.000 VNĐ
Thuế VAT 增值税(0%)	: 0 VNĐ
Giá trị hợp đồng sau thuế 税后金额	: 3.600.000.000 VNĐ

(Bằng chữ: Ba tỷ, sáu trăm triệu đồng./.) 大写: 36 个亿越盾

4.2. Hình thức hợp đồng: 合同形式

Hợp đồng tư vấn thiết kế thi công và nghiệm thu hệ thống PCCC trọn gói, đơn giá cố định, nghiệm thu theo bản vẽ đã được thẩm duyệt (nhà xưởng sản xuất và kho bảo quản ổn định nhiệt). Khối lượng và số lượng công việc theo đúng bản vẽ đã được thẩm duyệt và không tăng/giảm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 02/NOROO-EEP/HĐKT(PCCC)/2019

Về việc: Lắp đặt hệ thống chữa cháy bọt foam

Công trình: Công ty TNHH Noroo Vina

- Căn cứ bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ Luật thương mại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 36/2005/QH11 ký ngày 14/06/2005;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các bên ký kết hợp đồng.

Hôm nay, ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại CÔNG TY TNHH NOROO VINA

Chúng tôi gồm có:

BÊN GIAO THẦU (BÊN A): CÔNG TY TNHH NOROO VINA

Người đại diện : Ông **BAEK SANG HO** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**
Địa chỉ : Số 8, đường TS10, KCN Tiên Sơn, Xã Nội Duệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Mã số thuế : 2300693221

BÊN NHẬN THẦU (BÊN B): CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM

Đại diện : Ông **NGUYỄN THÀNH CHUNG** - Chức vụ: **Giám đốc**
Địa chỉ : (NR: ông Nguyễn Quang Xuân), Thôn Kim Đôi, Xã Kim Chân, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại : 0222.6.538.169
Mã số thuế : 2300899487
Tài khoản : 0351000928763 Mở tại ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Bắc Ninh.
Bên nhận thầu và bên giao thầu được gọi riêng là Bên và gọi chung là Các Bên.
Các bên tại đây thống nhất thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

1.1 Bên A có nhu cầu Lắp đặt hệ thống chữa cháy bọt foam cho hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC) công trình: Phòng cháy và chữa cháy thuộc CÔNG TY TNHH NOORO VINA
Thông qua bên B (theo phụ lục hợp đồng số 02 đính kèm)

1.2 Bên B nhận lắp đặt hệ thống chữa cháy bọt foam cho bên A trong suốt thời gian có hiệu lực của hợp đồng. Cụ thể như sau:

- Kiểm tra hướng dẫn bên A khai thác và sử dụng các tài nguyên, các ứng dụng của hệ thống PCCC;
- Hỗ trợ kỹ thuật sử dụng hệ thống PCCC;
- Vệ sinh các thiết bị của hệ thống PCCC;
- Sau khi lắp đặt hệ thống xong bên B phải có trách nhiệm phối hợp cùng bên A báo cáo, trình Cảnh sát PC&CC Tỉnh Bắc Ninh tổ chức kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC

1.3 Các tài liệu sau đây là một phần của hợp đồng:

- Báo giá số EEP-NOROO-2019-03 gửi ngày 04/11/2019 được chấp thuận có chữ ký xác nhận đặt hàng của bên A(báo giá đi kèm hợp đồng này).

ĐIỀU 2: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 2.1. Bên A có quyền yêu cầu bên B đến sửa chữa tại địa điểm của bên A khi hệ thống PCCC của bên A có sự cố theo thời gian quy định tại điều 5.
- 2.2. Bên A có quyền yêu cầu bên B lắp đặt những trang thiết bị PCCC, cài đặt lại hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động phù hợp cho việc sử dụng, phù hợp cho nhu cầu làm việc của mình. Đối với các thiết bị phải mua, bên A có trách nhiệm thanh toán cho mỗi thiết bị mà bên B đã lắp đặt vào hệ thống PCCC của bên A.
- 2.3. Khi hệ thống PCCC hỏng hóc bên B sẽ có trách nhiệm sửa chữa, nếu cần thay thế thiết bị hoặc nâng cấp hệ thống PCCC thì bên B sẽ phải thông báo cho bên A biết. Đồng thời bên B có trách nhiệm nghiệm thu thiết bị và vật tư đã thay thế cho bên A sao cho thiết bị đó phù hợp với hệ thống PCCC của bên A đang sử dụng sau khi đã được bên A duyệt giá.
- 2.4. Cả bên A và bên B đều phải có trách nhiệm chung trong việc bảo quản hệ thống PCCC để tránh những trường hợp xảy ra ngoài ý muốn của cả hai bên như mất thiết bị PCCC, hệ thống lỗi không hoạt động.....

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- 3.1. Bên B có quyền thu phí lắp đặt, bảo trì bảo dưỡng hệ thống PCCC cho bên A.
- 3.2. Bên B có nghĩa vụ đảm bảo hệ thống PCCC của bên A được hoạt động liên tục trong suốt thời gian hợp đồng có hiệu lực.
- 3.3. Trong trường hợp bên A lắp thêm thiết bị PCCC vào hệ thống, bên B có thể từ chối bảo trì các thiết bị PCCC đó trừ khi bên A thanh toán đầy đủ tiền bảo dưỡng cho bên B các thiết bị PCCC lắp thêm đó theo quy định tại điều 4 khoản 1 của bản hợp đồng này.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Giá lắp đặt hệ thống chữa cháy bột foam:

Giá trị hợp đồng trước thuế là: **1.966.167.000 VNĐ**

Thuế VAT (10%) : **196.616.700 VNĐ**

Giá trị hợp đồng sau thuế : **2.162.783.700 VNĐ**

(Bằng chữ : Hai tỷ một trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm đồng./.)

4.2. Thời gian thanh toán:

- Tạm ứng 50% giá trị hợp đồng trước thuế sau khi ký kết.
- Thanh toán 50% số tiền còn lại trên hợp đồng sau 15 ngày sau khi nhận đầy đủ Hóa đơn , chứng từ do bên B cung cấp.

4.3. Bộ chứng từ thanh toán gồm:

- Hóa đơn giá trị gia tăng (VAT);
- Biên bản bàn giao và nghiệm thu;
- Hồ sơ sau nghiệm thu có xác nhận của cơ quan cảnh sát PCCC

4.5. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

Bên A chuyển tiền vào tài khoản cho Bên B (phí chuyển khoản bên A chịu) theo thông tin tài khoản thụ hưởng như sau:

Chủ tài khoản: Công ty TNHH Cơ điện lạnh EEP VIỆT NAM

Số tài khoản: 0351000928763

Mở tại: Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Bắc Ninh

ĐIỀU 5 : THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN VÀ BẢO HÀNH

5.1. Thời gian thực hiện : Sau khi nhận được tiền tạm ứng và Bên B nhận được mặt bằng thi công.

5.2. Địa điểm thực hiện : Tại Công ty TNHH Noroo Vina đóng tại địa chỉ số 8, đường TS10, KCN Tiên Sơn, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

5.3. Thời gian bảo hành: Bảo hành toàn bộ công trình thi công: mười hai (12) tháng kể từ ngày bàn giao (Bên B chỉ bảo hành cho bên A khi chưa có tác động của bên thứ 3 vào sản phẩm mà bên B đã làm ra).

5.4. Trong thời gian bảo hành nếu có vấn đề về kỹ thuật liên quan tới Bên B thì Bên B có trách nhiệm cử nhân viên đến xử lý sau khi nhận được thông báo của Bên A chậm nhất 24h sau khi nhận được thông báo của Bên A (bằng điện thoại hoặc email).

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

6.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

6.2. Hợp đồng sẽ tự động thanh lý sau khi hai bên hoàn thành hết nghĩa vụ mà không bên nào khiếu kiện.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

7.1. Mọi chi phí phát sinh của Hợp đồng này phải được bổ sung bằng văn bản và được đại diện có thẩm quyền của hai bên cùng ký. Các văn bản này sẽ là cơ sở pháp lý để hai bên thực hiện thanh quyết toán công trình.

7.2. Bất cứ thay đổi nào do một bên đưa ra mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của bên kia sẽ bị coi là không hợp pháp.

7.3. Mọi tranh chấp phát sinh (nếu có) từ Hợp đồng này, nếu không được giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác thì sẽ được đưa ra Tòa án Kinh tế để phán xử. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng mà cả hai bên cùng phải thực hiện. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình kiện tụng tại Tòa án và các chi phí khác có liên quan sẽ do bên thua kiện chịu.

7.4. Hợp đồng được lập thành 04(bốn) bản Tiếng việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký kết.

CÔNG TY TNHH NOROO VINA



**TỔNG GIÁM ĐỐC
BAEK SANG HO**

CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH

EEP VIỆT NAM



**GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THÀNH CHUNG**

chuy - 638 OK

Ngọc Nguyễn

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

Số:091219/HĐDV/PCCC/NNCBN-EEP

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự năm 2015;
 - Căn cứ Luật Thương mại được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua vào ngày 14/6/2005, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2006;
 - Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
 - Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
 - Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
 - Căn cứ Luật Phòng cháy chữa cháy năm 2001, được sửa đổi bổ sung năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - Căn cứ vào khả năng và nhu cầu thực tế của các bên;
- Hôm nay, ngày 09 tháng 12 năm 2019, chúng tôi gồm có:

1. BÊN GIAO THẦU:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP- DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI NGỌC NGHĨA TẠI BẮC NINH

Đại diện: Bà **Đào Thị Thuận**

Chức vụ: **Giám Đốc thu mua**

Địa chỉ : Lô A3-1, Khu Công nghiệp Đại Đồng-Hoàn Sơn, Xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại : 028.38221966

Fax: 028.38222838

Mã số thuế : 0301427028-008

Sau đây được gọi tắt là **Bên A**.

2. BÊN NHẬN THẦU:

CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM

Đại diện: **Ông Nguyễn Thành Chung**

Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ : (NR: ông Nguyễn Quang Xuân), Thôn Kim Đồi, Xã Kim Chân, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại : 0222.6538.169

Fax:

MST : 2300899487

Số TK : 0351000928763 Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Bắc Ninh

Sau đây được gọi tắt là **Bên B**.

Sau khi thỏa thuận, hai bên cùng ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC ĐƯỢC GIAO

1.1 Bên A giao cho Bên B thiết kế , thẩm duyệt, kiểm định phương tiện, cung cấp vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, nghiệm thu hệ thống Phòng cháy chữa cháy, hệ thống báo cháy cho Bên A tại địa chỉ Lô A3-1, Khu Công nghiệp Đại Đồng-Hoàn Sơn, Xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam, sau đây gọi chung là ("**Công trình**"). Nội dung công việc bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau

+ *Thiết kế và thẩm duyệt, kiểm định phương tiện, nghiệm thu Phòng cháy chữa cháy theo đúng yêu cầu của bên A và các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn Phòng cháy chữa cháy hiện hành;*

+ *Cung cấp vật tư, thiết bị, nhân công thực hiện việc lắp đặt hệ thống Phòng cháy chữa cháy, hệ thống báo cháy theo thiết kế và Bảng dự toán được bên A duyệt đính kèm Hợp đồng này và các quy định tiêu chuẩn về phòng cháy chữa cháy hiện hành.*

+ Liên hệ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin cấp giấy chứng nhận nghiệm thu công trình và thực hiện các công việc khác bao gồm chuẩn bị hồ sơ, giải trình... để Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt và cấp Giấy chứng nhận nghiệm thu Phòng cháy chữa cháy hợp lệ cho Bên A.

Chi tiết công việc được thể hiện tại Báo giá số EEP-NGOCNGHIA-2019-01 ngày 02/12/2019 và các bản vẽ đính kèm đã được đại diện có thẩm quyền của hai bên ký xác nhận. Các tài liệu này là những phần không tách rời của Hợp đồng.

1.2 Trường hợp Bên A phát sinh thêm các nhu cầu khác, ngoài những hạng mục vật tư, thiết bị quy định tại Hợp đồng này thì hai bên sẽ thỏa thuận đơn giá thi công phát sinh trước khi thi công thực tế. Mọi chi phí phát sinh phải được đại diện có thẩm quyền của Bên A xác nhận mới có giá trị áp dụng.

ĐIỀU 2: THỜI GIAN THI CÔNG

- Thời gian để Bên B hoàn thành toàn bộ Công trình (kể cả việc hoàn tất xin xác nhận nghiệm thu Phòng cháy chữa cháy) là 35 ngày kể từ ngày Bên B nhận bàn giao mặt bằng để thi công kèm hồ sơ, bản vẽ thiết kế mặt bằng và nhận được thanh toán đợt 1. Ngày ở đây được hiểu là bao gồm các ngày thứ bảy chủ nhật, ngày nghỉ, lễ theo quy định pháp luật hiện hành.

- Trong thời gian thi công, nếu gặp trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 8 Hợp đồng này và sự kiện bất khả kháng này là nguyên nhân trực tiếp gây chậm trễ thời gian hoàn thành Công trình thì Bên B phải thông báo cho Bên A ngay khi xảy ra sự kiện bất khả kháng để hai bên bàn bạc giải quyết nếu được Bên A đồng ý thì thời gian chờ xử lý trường hợp này sẽ không được tính vào thời gian hoàn thành Công trình.

- Ngoài trường hợp chậm trễ do sự kiện bất khả kháng như trên, nếu Bên B chậm trễ trong việc thi công, Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A phát sinh do hành vi vi phạm của Bên B. Đồng thời, trường hợp quá 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận hoàn tất công trình mà Bên B vẫn chưa hoàn thành các hạng mục của công trình, Bên A có quyền thuê Bên thứ ba hoàn thiện Công trình và mọi chi phí chênh lệch phát sinh sẽ do Bên B chịu.

- Việc nghiệm thu được hai bên thực hiện trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất lắp đặt và các công việc khác theo Hợp đồng này và phải được lập thành văn bản được đại diện có thẩm quyền của hai bên xác nhận và có sự tham gia xác nhận của Cơ quan Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy có thẩm quyền.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

3.1. Trách nhiệm Bên B:

- Tiến hành thực hiện công việc ngay khi nhận được bản vẽ đã được chấp thuận và mặt bằng để thi công từ Bên A.

- Thực hiện thiết kế, thẩm duyệt, kiểm định phương tiện, nghiệm thu đúng yêu cầu mà bên A đưa ra và các quy định, tiêu chuẩn về an toàn phòng cháy chữa cháy hiện hành

- Thực hiện công tác quản lý chất lượng Công trình theo quy định hiện hành về xây dựng và phòng cháy chữa cháy.

- Phối hợp với đơn vị tư vấn giám sát (nếu có) và đại diện của Bên A trong quá trình thực hiện Hợp đồng để đảm bảo không gây cản trở hay làm gián đoạn việc thi công các hạng mục khác tại Công trình.

- Cung cấp vật tư thiết bị đúng số lượng, chủng loại, chất lượng đã thỏa thuận và phải còn mới 100% theo bản vẽ thiết kế và bảng dự toán của Bên B đã được Bên A phê duyệt.

- Các đường ống khí thi công trong nhà xưởng phải đấu nối bằng mặt bích không được hàn (Trường hợp bất khả kháng phải hàn thì bên B phải trình công văn và khi được bên A chấp thuận thì Bên B mới tiến hành, đồng thời chịu sự giám sát của của bên A).

- Thi công lắp đặt đúng hồ sơ thiết kế được duyệt và đúng các yêu cầu kỹ thuật. Mọi trường hợp thay đổi hoặc bổ sung phải được Bên A đồng ý bằng văn bản. Khi Bên B phát hiện ra bất kỳ sự khác biệt

nào giữa bản vẽ và điều kiện thi công tại Công trình sẽ phải báo cáo ngay để Bên A quyết định.

-Khảo sát mặt bằng cùng với Bên A và đề xuất Bên A giải quyết những vướng mắc khó khăn trước khi nhận bàn giao mặt bằng.

-Hoàn thành các hồ sơ nghiệm thu, thanh toán và cung cấp hóa đơn GTGT (VAT) hợp pháp theo quy định và các chứng từ liên quan khi thanh toán.

-Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ với các gói thầu khác và chịu trách nhiệm chính với Bên A trong việc quản lý, triển khai thi công các hạng mục cho Công trình nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn lao động, an ninh, PCCC, vệ sinh môi trường trong toàn Công trình từ lúc khởi công cho đến khi kết thúc.

Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu, liên hệ, giải trình, tham gia thẩm định với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin các giấy phép liên quan đến việc sử dụng hệ thống Phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật hiện hành.

-Liên hệ với Trung tâm kiểm định và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin các giấy phép liên quan đến việc sử dụng thiết bị Phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật hiện hành.

-Cung cấp toàn bộ hồ sơ, giấy tờ liên quan đến thiết bị theo quy định của nhà sản xuất và quy định pháp luật hiện hành.

*** Đảm bảo chất lượng:**

-Bên B phải thi công theo đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo thiết bị vận hành đạt chất lượng theo quy định tại Hợp đồng này và quy định của pháp luật. Bên B chịu mọi trách nhiệm nếu vi phạm quy định này.

*** Đảm bảo tiến độ thi công:**

-Bên B phải có kế hoạch cung ứng đầy đủ vật tư, thiết bị thi công, nhân lực để thi công kịp thời đúng tiến độ đã được Bên A phê duyệt.

-Nếu Bên B thực hiện thiết kế, giao hàng, lắp đặt, thi công hoặc thực hiện bất kỳ hạng mục công việc nào chậm trễ so với tiến độ đề ra mà không do lỗi của bên A, thì Bên B sẽ bị phạt bằng tiền như quy định tại Điều 5.

***Đảm bảo an toàn, an ninh và bảo vệ môi trường:**

+ An toàn lao động:

-Trong suốt thời kỳ cung cấp, lắp đặt, thi công và sửa chữa sai sót, Bên B phải:

Quan tâm đầy đủ đến an toàn của tất cả mọi người và trang thiết bị có mặt trên công trường, bảo vệ an toàn tuyệt đối cho công trường.

Cung cấp và trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho người lao động tại Công trình, có biện pháp quản lý kiểm tra và duy trì thường xuyên trong suốt thời gian thi công.

Tiến hành những biện pháp hợp lý nhằm bảo đảm an toàn lao động cho người và tài sản ở trên công trường và các khu vực giáp ranh.

Việc triển khai thi công phải đảm bảo an toàn tuyệt đối. Mọi tai nạn hoặc sự cố xảy ra Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

+ An ninh:

-Bên B phải có những biện pháp phòng ngừa thích hợp để tránh tình trạng vi phạm pháp luật hoặc làm mất trật tự trị an khu vực do những nhân sự của Bên B gây ra.

Sau mỗi ngày làm việc không được bố trí công nhân ở lại tại công trường (trừ những trường hợp bảo vệ hoặc thủ kho đã đăng ký trước với Ban Quản lý Dự án của Bên A và Bên B phải tự thực hiện thủ tục đăng ký tạm trú với chính quyền địa phương).

+ Bảo vệ môi trường:

- Không được gây tiếng ồn, tiếng động khó chịu ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Sau mỗi ngày làm việc phải tổ chức dọn dẹp vệ sinh công trường gọn gàng, thu gom vật tư thiết bị đúng nơi quy định. Nếu không thực hiện tốt Bên A sẽ có quyền thuê người thực hiện, mọi chi phí Bên B

B chịu trách nhiệm chi trả.

3.2. Trách nhiệm của Bên A:

3.2.1 Giao mặt bằng thi công:

-Nhanh chóng phê duyệt kế hoạch và biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn, tiến độ, chất lượng của Bên B.

-Chủ trì bàn giao mặt bằng thi công và các điều kiện cần thiết để thi công cho Bên B.

3.2.2 Kiểm tra chất lượng hàng hóa:

Khi Bên B giao thiết bị, đại diện có thẩm quyền của Bên A phối hợp với Bên B để tiến hành kiểm nhận số lượng, quy cách, chủng loại thiết bị. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng chủng loại, quy cách như đã thỏa thuận thì hai bên tiến hành lập Biên bản tại chỗ và Bên B phải chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan phát sinh.

Hai bên thống nhất rằng, Bên A không thể kiểm tra toàn bộ chất lượng hàng hóa tại thời điểm giao nhận. Trong quá trình vận hành, sử dụng nếu Bên A có phát hiện thiết bị không đảm bảo chất lượng và nguyên nhân được xác định do lỗi của Bên B gây ra thì Bên B vẫn phải chịu toàn bộ trách nhiệm phát sinh.

3.2.3. Giám sát thi công:

Cử giám sát kỹ thuật theo dõi tại Công trình và nghiệm thu khối lượng công việc đã hoàn thành. Đồng thời chỉ định đại diện của mình để giải quyết tất cả công việc có liên quan tới việc thực hiện Hợp đồng.

3.2.4. Thay đổi, bổ sung:

Khi Bên A có những nội dung yêu cầu cần thay đổi bổ sung sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B kịp thời để không làm ảnh hưởng hoặc gián đoạn quá trình thi công của Bên B.

3.2.5. Nghiệm thu:

-Chủ trì nghiệm thu công tác xây lắp, nghiệm thu Công trình hoàn thành đưa vào sử dụng.

-Bên A chỉ chấp thuận nghiệm thu, thanh toán cho Bên B các hạng mục trong phạm vi Hợp đồng đã ký và khi các hạng mục này đã đạt chất lượng theo đúng quy định và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền nghiệm thu, phê duyệt.

ĐIỀU 4: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

4.1. Giá trị Hợp đồng:

Tổng giá trị Hợp đồng: 3,032,744,000 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10%).

Bằng chữ: Ba tỷ không trăm ba mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi tư nghìn đồng./

4.2. Hình thức hợp đồng: Trọn gói

- Giá hợp đồng không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng đối với khối lượng các công việc thuộc phạm vi trong Hợp đồng này (khối lượng nằm trong phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế).
- Giá trị hợp đồng sẽ không được thay đổi trong thời gian thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp Chủ đầu tư có thay đổi bản vẽ thiết kế, hoặc yêu cầu sử dụng và được hai bên chấp nhận bằng văn bản.

4.3. Phương thức thanh toán:

Bên A thực hiện thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản vào tài khoản Bên B như nêu tại hợp đồng này và thanh toán chia làm 4 đợt

Đợt 1 : Thanh toán 20% giá trị hợp đồng, tương ứng số tiền là: **606.548.800 VNĐ (Sáu trăm linh sáu triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm đồng)** trong vòng 7 [bảy] ngày làm việc sau khi Bên B hoàn tất hồ sơ thiết kế kỹ thuật của hệ thống PCCC và được Bên A đồng ý ký xác nhận vào bản vẽ thiết kế kỹ thuật đó và Bên A nhận được Đề nghị thanh toán hợp lệ của Bên B.

Nhung 782: OK

Nhung 78166

Confidential

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc
越南社会主义共和国
独立 - 自由 - 幸福

HỢP ĐỒNG CÔNG TRÌNH
工程合同

CÔNG TRÌNH CẢI TẠO PHÒNG 1 MAPLETREE
MAPLETREE CRI 改造工程

Mã số hợp đồng 合同编号: 2020VN-L-FC-JUSDAVN-0003

Ngày ký hợp đồng 签约日期: 03/06/2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN 合同当事人

Bên A 甲方: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG QUỐC TẾ JUSDA VIỆT NAM
Địa chỉ 地址: Lô 6, Phân Khu Tân Hồng - Hoàn Sơn, Khu công nghiệp Tiên Sơn, Phường Tân Hồng, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Đại diện bởi 代表人: SHEN, CHIH - YEN
Người liên lạc 聯絡人: Ngô Thị Yến Chức vụ 職稱: Nhân viên
Điện thoại 電話: 02223856888 Số máy lẻ 分機: 19152
Fax 傳真: _____ E-mail 電郵: jusda-vn-gw@mail.foxconn.com

Bên B 乙方: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM
Địa chỉ 地址: Khu Phú Xuân - Phường Kim Chân - Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Đại diện bởi 代表人: NGUYỄN THÀNH CHUNG
Người liên lạc 聯絡人: NGUYỄN THÀNH CHUNG Chức vụ 職稱: Giám đốc
Điện thoại 電話: 0222.6.538.169 Số máy lẻ 分機: _____
Fax 傳真: _____ E-mail 電郵: codienlanh.eep@gmail.com

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất về việc bên B nhận thầu công trình của bên A với các điều khoản như sau:

就乙方承揽甲方工程等事宜，双方经充分协商，达成以下条款：

第1条: NỘI DUNG CÔNG TRÌNH 工程標的

1.1 Tên công trình: CÔNG TRÌNH CẢI TẠO PHÒNG 1 MAPLETREE (gọi tắt: công trình này hoặc công trình)

工程名称 MAPLETREE 一號房 改造工程 (下称“本工程”或“工程”)

A20200528141513099

6

LISM

V22-18-12-24

1/15



- 1.2 Địa chỉ công trình No 1.3.7 VSIP Road 6, VSIP Bac Ninh, Bac Ninh Province
 工程地点: No 1.3.7 VSIP Road 6, VSIP Bac Ninh, Bac Ninh Province
- 1.3 Phạm vi của công trình: xem bản khối lượng công trình (cụ thể xem chi tiết bảng báo giá của bên B và văn bản mời thầu)。
 工程范围 見甲方工程量單 (具体详乙方报价单及招標文件)。
- 1.4 Thời hạn công trình: 17 Ngày
 工程期限: 17 天。
- 1.5 Tổng giá trị công trình: 1.738.000.0000 VND (☐ Giá này chưa bao gồm thuế VAT; ☒ Giá này đã bao gồm thuế 10 %; ☐ Giá này VAT là 0%。)
 工程总价: 1,738,000,000 越南盾 (☐ 該價格未含 VAT; ☒ 該價格已含 VAT 稅率 10 %; ☐ 該價格 VAT 為 0%。)
- 1.6 ☒ Tổng số tiền của bản hợp đồng này được thanh toán theo loại tiền tệ là VND, nếu loại tiền tệ thanh toán và tiền tệ định giá khác nhau, thì tỷ giá hối đoái được tính theo tỷ lệ N/A。
 本合同之金額以 越南盾 結算, 如結算貨幣與定價貨幣不一緻, 適用匯率為 N/A 之銀行匯率。

第2条: ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN 支付條款

- 2.1 Thanh toán giá trị hợp đồng dựa theo phương thức sau:

Sau khi công trình hoàn thành bên A nghiệm thu đạt và sau 30 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn chứng từ hợp lệ thanh toán 95% tổng giá trị hợp đồng. Giữ lại 5%

☒ Bên B đồng ý cho bên A giữ lại 5% tổng giá trị công trình làm khoản bảo hành công trình. Khi thời hạn bảo hành đã hết và bên B đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bảo hành, bên B có quyền đề nghị bên A thanh toán số tiền bảo hành không tính lãi. 本合同工程总价按下列约定支付:

該工程竣工并經甲方驗收合格后 及收到合理的發票證據 30 天後支付工程總金額之 95%, 保留 5%保固款

☒ 乙方同意工程总价之 5 %作为保修金该保修金待保修期满且乙方已履行全部保修义务时, 乙方可向甲方申请无息领回。

- 2.2 Bên B cung cấp đơn đề nghị thanh toán, bên A sẽ xét duyệt trong vòng 7 ngày với điều kiện đầy đủ các văn bản xin thanh toán và việc thanh toán được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn.
 乙方提出請款申請, 甲方于請款文件齊備情況下 7 日內核准, 收到發票后 30 日內付款。

Nếu do bên B cung cấp tài liệu xin thanh toán không đủ hoặc sai sót mà dẫn đến việc tăng thêm thuế của bên B bao gồm nhưng không giới hạn ở hoàn thuế xuất khẩu, thì bên B không được yêu cầu bên A chịu chi phí thuế đó.



如因乙方提供請款資料不足或有誤從而造成乙方的稅賦增加，包括但不限於出口退稅，乙方不能將此稅賦轉嫁給甲方。

- 2.3 Bên B phải xuất hoá đơn hợp pháp cho bên A với đúng giá trị xin thanh toán; trường hợp phải làm các thủ tục hải quan xuất khẩu tương ứng bên B phải chịu trách nhiệm thực hiện, đồng thời cung cấp đầy đủ các tờ khai hải quan.
乙方請領各項價款應出具全額合法發票;如需辦理相應的出口報關手續, 乙方亦應完成並出具齊備的報關單。

- 2.4 Bên A thanh toán bằng điện chuyển tiền (T/T), trường hợp ngân hàng mở tài khoản của bên B không cùng hệ thống ngân hàng chuyển tiền của bên A, thì phí thủ tục chuyển tiền do bên B chịu。

甲方付款采用电汇(T/T)支付, 乙方之开户银行若与甲方之汇款银行不同, 则汇款所产生的手续费由乙方承担。

- 2.5 Bên B phải căn cứ vào quy định của “Nội dung và yêu cầu bình chọn tiêu chuẩn kỹ thuật Công trình”(chi tiết xem bản phụ lục) để nộp tiền bảo đảm thi công văn minh cho người quản lý tài chính của bên A, số tiền này chuyên dùng làm tiền bảo đảm thi công an toàn, văn minh tại hiện trường, nếu không bị xử phạt trừ tiền, sau khi hoàn thành công trình sẽ trả lại cho bên B không tính lãi。

乙方應依“工程技術標準評選內容及要求”(詳見附件)規定將施工文明保證金交至甲方經營, 此款專用於現場安全文明施工保證金, 若無處罰扣款, 完工後無息退還乙方。

- 2.6 Bên A sẽ tự động khấu trừ mọi chi phí bồi thường thiệt hại, phí vi phạm hợp đồng trong giá trị công trình phải thanh toán。

因本合同所發生之違約金、損害賠償或費用, 甲方得徑自應付之工程價款中扣除。

- 2.7 Nếu do thay đổi công trình làm cho tổng giá trị công trình bị giảm xuống, sau khi hai bên xem xét xác nhận hoặc bên B vẫn chưa xác nhận trong vòng một tuần sau khi nhận được thông báo của bên A, thì bên A sẽ tự động khấu trừ trong giá trị công trình trả cho bên B. Nếu giá trị công trình đã thanh toán hết hoặc giá trị công trình còn lại không đủ thì bên B phải hoàn trả số tiền đó trong vòng 03 ngày sau khi nhận được thông báo。

因工程變更致工程總價減少的, 經雙方核對確認後或乙方於接到通知後一周內仍未確認, 甲方得徑自應付之工程價款中扣除; 工程價款已經全部支付或剩餘工程價款不足的, 乙方應在接到通知後3日內予以返還。

- 2.8 Số tài khoản của bên B 乙方银行账户:

Chủ sở hữu 户名: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LANH EEP VIỆT NAM

Tên ngân hàng 银行名称: Vietcombank, chi nhánh Bắc Ninh

Số tài khoản 帐号: 0351000928763

第3条: TỔNG GIÁ TRỊ CÔNG TRÌNH 工程價款

- 3.1 Tổng giá trị công trình trong hợp đồng này bao gồm nhưng không giới hạn bên A khấu trừ thuế và giao chi phí thuế cho cơ quan thuế căn cứ theo pháp luật tại nước sở tại của bên A (nếu có), tất cả những vật tư cần thiết cho công trình, hàng cung ứng, giá thành thiết bị, máy móc, phí vận chuyển, các chi phí thuế, tiền lương, phí lắp đặt, chi phí chung, lợi nhuận, phí bảo hiểm, phí quản lý, phí bảo hành, phí nghiệm thu công trình, tất cả các chi phí thực hiện thí nghiệm cho công trình và các chi phí, giá thành khác liên quan đến việc thực hiện hợp đồng này。

本合同工程總價包括但不限於甲方依據甲方所在國法律扣繳並交給甲方所在國稅務機



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
越南社会主义共和国

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
独立- 自由- 幸福

HỢP ĐỒNG THI CÔNG 施工合同协议

V/v: Cung cấp lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy

关于: 提供安装消防系统

Số 编号: 01/EEP-RONGXIN/HDTTC/2021

- Căn cứ Luật Phòng cháy chữa cháy năm 2001, được sửa đổi bổ sung năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

依据 2001 年发布的消防法规, 且在 2013 年更改补充及设施指导文本

- Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 đã được thông qua ngày 18/06/2014 và có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/01/2015;

- 根据建设法律编号 50/2014/QH13 于 2014/06/18 日签发并于 01/01/2015 起生效

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 đã được thông qua ngày 14/06/2005 và có hiệu lực áp dụng từ 01/01/2006;

- 根据贸易法规 36/2005/QH11 编号, 经越南国会于 14/6/2005 通过以及 01/1/2006 起生效

- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

- 根据双方的需求与能力

Hôm nay, ngày tháng năm 2021, tại: CÔNG TY TNHH RONGXIN TECH (VỆT NAM), Chúng tôi gồm có:

今日于 2021 年 月 日, 在融欣科技有限公司 (越南), 我们包括:

BÊN GIAO THẦU: CÔNG TY TNHH RONGXIN TECH (VỆT NAM)

分包商: 融欣科技有限公司 (越南)

Đại diện 代表: **QIN JIAN** Chức vụ: **Giám Đốc 职务: 总经理**

Địa chỉ 地址: Lô CNSG07, KCN Vân Trung, Xã Nội Hoàng, Huyện yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang

北江省, 安勇县, 内皇乡, 云中工业区, CNSG07 块

Điện thoại 电话:

Mã số thuế 税号: 2400890833

(Sau đây gọi tắt là Bên A) 以下称为甲方

BÊN NHẬN THẦU: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM

承包商: 越南 EEP 冷却机电责任有限公司

Đại diện 代表: Ông NGUYỄN THÀNH CHUNG 阮铖钟

Chức vụ: **Giám đốc** 职务: 经理

Địa chỉ 地址 : Khu Phú Xuân, phường Kim Chân, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại 电话: 0222.6.538.619

Mã số thuế 税号: 2300899487

Tài khoản: 0351000928763 Mở tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Ninh.

账号: 0351000928763 越绑银行, 北宁分行

(Sau đây gọi tắt là Bên B) 以下称为乙方

Sau khi thỏa thuận trên cơ sở thiện chí và trung thực, các bên thống nhất thực hiện các điều khoản sau:

经双方讨论与协商, 以善意及诚实的精神双方同意签约以下条款:

ĐIỀU 1: PHẠM VI CÔNG VIỆC VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

第一款: 工作范围及实行期间

1. Phạm vi công việc: 工作范围 :

1.1 Bên A giao cho Bên B cung cấp vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, nghiệm thu hệ thống Phòng cháy chữa cháy cho Bên A tại Nhà máy RONGXIN TECH (VỆT NAM); địa chỉ : *Lô CNSG07, KCN Văn Trung , Xã Nội Hoàng, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang* (Sau đây gọi chung là “**Công trình**”). Nội dung công việc bao gồm các công việc sau:

甲方授权给乙方供应设备, 物资, 施工安装, 授权给甲方在*北江省, 安勇县, 内皇乡, 云中工业区, CNSG07 块施, 验收消防系统* (以下称为工程)。工作内容包含但不限于以下工作:

+ Cung cấp vật tư, thiết bị, nhân công thực hiện việc lắp đặt hệ thống Phòng cháy chữa cháy, hệ thống báo cháy theo thiết kế và Bảng dự toán được Bên A duyệt đính kèm Hợp đồng này và các quy định, tiêu chuẩn về phòng cháy chữa cháy hiện hành.

依据此合同附件的工程预算清单经甲方审批及消防法规, 标准正在实行供应物资, 设备, 人工实施安装消防系统, 消防报警。

Khối lượng được quy định chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm bản hợp đồng này. Trường hợp Bên A có yêu cầu Bên B làm các hạng mục khác phát sinh thêm thì hai bên cùng nhau thỏa thuận đơn giá trước khi thực hiện.

工作量在此合同第一附件详细体现。诺甲方有其他产生项目需要乙方展开则在施工之前双方一起商讨单价。

1.2 Thời gian thực hiện: 实行期间 :

Ngay sau khi hợp đồng này được ký kết và Bên A bàn giao mặt bằng cho Bên B thì Bên B sẽ tiến hành thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy cho Bên A. Trường hợp bên xây dựng chưa xong thì hai bên tiến hành trao đổi kéo dài thêm và lắp đặt ngay sau khi bên xây dựng hoàn thiện tầng 1 của nhà xưởng và thời gian lắp đặt là 45 ngày làm việc.

.合同签订后合同及甲方交接平面给乙方,乙方执行施工消防系统时间。如果建筑施工未完工,双方应建筑在施工完成后立长时间及车间一楼完成后消防马上交换和安装在 45 天工作内。

ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ CỦA HỢP ĐỒNG VÀ THANH TOÁN

第二条款: 合同价值和付款

1. Giá trị hợp đồng: 合同价值

Giá trị hợp đồng trước thuế 合同税前金额: **2,506,714,650 VND**

Thuế VAT (0%) 增值税: **0 VND**

Tổng giá trị hợp đồng sau thuế 合同税后金额: **2,506,714,650 VND**

(Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm lẻ sáu triệu bảy trăm mười bốn nghìn sáu trăm năm mươi đồng)

字写: 二十五亿零六百七十一万四,六百五越盾

2. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói theo công việc được quy định trong Điều 1.

合同类型: 合同整套承包依据第一款所规定工作

3. Điều khoản thanh toán

付款条款

3.1. Hình thức thanh toán: 付款形式

3.1.1. Bên A thực hiện thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản vào tài khoản Bên B như nêu tại hợp đồng này và thanh toán chia làm 3 đợt:

甲方依据此合同以上账户给乙方汇款, 以 (3) 三次分期付款

Đợt 1: Bên A tạm ứng 30% tổng giá trị hợp đồng sau thuế trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc sau khi hai bên ký hợp đồng và cung cấp cho bên A giấy đề nghị tạm ứng. Cụ thể số tiền là: **752,014,395 VND**

第一批: 甲方在七 (7) 天工作内给乙方预付 30%合同税后总金额及提供申请预付单, 相当于: **752,014,395VND(七亿五千两百零一万四,三百九十五越盾)**

Đợt 2: Thanh toán 50 % giá trị hợp đồng, tương ứng số tiền là: **1,253,357,325 VND** trong vòng 07 [bảy] ngày làm việc ngay sau khi Bên B hoàn thành khối lượng công việc trong hợp đồng và có bảng xác nhận khối lượng được hai bên ký cùng giấy đề nghị thanh toán.

第二批: 乙方按合同数量完成全部指定工作量, 乙方提供工作量表有双方一起验收签批确认后, 甲方在七 (7) 天工作内给乙方付 50%合同税后总金额及提供申请付款单, 相当于: **1,253,357,325 VND(十二亿五千三百三十五万七,三百二十五越盾)**

Đợt 3 : Thanh toán 20 % giá trị hợp đồng, tương ứng số tiền là: **501,342,930 VND** (Năm trăm linh một triệu, ba trăm bốn hai nghìn, chín trăm ba mươi đồng) trong

NĂNG LỰC MÁY MÓC, THIẾT BỊ

Toàn bộ hệ thống máy móc, thiết bị của EEP Việt Nam đều có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, tới từ các thương hiệu chất lượng, đảm bảo phục vụ quá trình thi công hệ thống phụ trợ công nghiệp. Trong đó gồm có:

I. MÁY THI CÔNG

MÁY PHÁT ĐIỆN Số lượng: 3 Chiếc Năm sản xuất: 2018	MÁY NÉN KHÍ Số lượng: 2 Chiếc Năm sản xuất: 2016	MÁY HÚT CHÂN KHÔNG Số lượng: 5 Chiếc Năm sản xuất: 2019	MÁY BƠM NƯỚC Số lượng: 4 Chiếc Năm sản xuất: 2018
QUẠT THÔNG GIÓ Số lượng: 8 Chiếc Năm sản xuất: 2019	MÁY XỊT RỬA ĐIỀU HÒA Số lượng: 6 Chiếc Năm sản xuất: 2017	MÁY KHOAN RÚT LỖI Số lượng: 2 Chiếc Năm sản xuất: 2017	MÁY TIỆN REN Số lượng: 6 Chiếc Năm sản xuất: 2018
MÁY KHOAN BÀN Số lượng: 4 Chiếc Năm sản xuất: 2018	MÁY HÀN TIG Số lượng: 8 Chiếc Năm sản xuất: 2016	MÁY HÀN MIG Số lượng: 6 Chiếc Năm sản xuất: 2019	MÁY CHÀ NỀN CÔNG NGHIỆP Số lượng: 2 Chiếc Năm sản xuất: 2018
MÁY HÚT BỤI CÔNG NGHIỆP Số lượng: 2 Chiếc Năm sản xuất: 2019	MÁY HÚT BỤI CẦM TAY Số lượng: 4 Chiếc Năm sản xuất: 2017	MÁY KHOAN RÚT LỖI CẦM TAY Số lượng: 2 Chiếc Năm sản xuất: 2017	MÁY ĐỤC BÊ TÔNG Số lượng: 8 Chiếc Năm sản xuất: 2018
MÁY KHOAN BÊ TÔNG Số lượng: 8 Chiếc Năm sản xuất: 2018	MÁY KHOAN PIN CẦM TAY Số lượng: 20 Chiếc Năm sản xuất: 2018	MÁY CẮT BÀN Số lượng: 12 Chiếc Năm sản xuất: 2017	MÁY CẮT CẦM TAY Số lượng: 10 Chiếc Năm sản xuất: 2017
MÁY HÀN ỐNG HDPE Số lượng: 4 Chiếc Năm sản xuất: 2018	MÁY HÀN ỐNG PPR Số lượng: 3 Chiếc Năm sản xuất: 2018	MÁY HÀN ỐNG PVC Số lượng: 2 Chiếc Năm sản xuất: 2017	MÁY PHUN SƠN Số lượng: 4 Chiếc Năm sản xuất: 2018

II. DỤNG CỤ CẦM TAY VÀ THIẾT BỊ ĐO

THIẾT BỊ ĐO PHÒNG SẠCH Số lượng: 2 Chiếc Năm sản xuất: 2019	THIẾT BỊ ĐO NHIỆT ĐỘ Số lượng: 8 Chiếc Năm sản xuất: 2019	THIẾT BỊ ĐO ĐỘ ẨM Số lượng: 5 Chiếc Năm sản xuất: 2019	THIẾT BỊ ĐO TỐC ĐỘ GIÓ Số lượng: 4 Chiếc Năm sản xuất: 2019
THIẾT BỊ ĐO ÁP SUẤT Số lượng: 2 Chiếc Năm sản xuất: 2020	THIẾT BỊ ĐO NỒNG ĐỘ PH Số lượng: 2 Chiếc Năm sản xuất: 2020	THIẾT BỊ ĐO ĐIỆN TRỞ CHỐNG SÉT Số lượng: 6 Chiếc Năm sản xuất: 2020	THIẾT BỊ ĐO DÒNG ĐIỆN Số lượng: 6 Chiếc Năm sản xuất: 2020
THIẾT BỊ ĐO ÂM THANH Số lượng: 2 Chiếc Năm sản xuất: 2020	THIẾT BỊ ĐO CƯỜNG ĐỘ ÁNH SÁNG Số lượng: 2 Chiếc Năm sản xuất: 2020	THIẾT BỊ ĐO CHIỀU DÀI Số lượng: 6 Chiếc Năm sản xuất: 2019	BỘ DỤNG CỤ THÁO LẮP ĐẦU BÁO CHÁY Số lượng: 6 Bộ Năm sản xuất: 2020
BỘ DỤNG CỤ CẦM TAY Số lượng: 30 Bộ Năm sản xuất: 2018	BỘ DỤNG CỤ THỬ THIẾT BỊ BÁO CHÁY Số lượng: 3 Bộ Năm sản xuất: 2020	BỘ VAN THỦY LỰC Số lượng: 4 Bộ Năm sản xuất: 2019	BỘ BALANG XÍCH Số lượng: 4 Bộ Năm sản xuất: 2020

MỘT SỐ PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ THI CÔNG

TT	Phương tiện phục vụ thi công	SL	Năm SX	TT	Phương tiện phục vụ thi công	SL	Năm SX
I Nhóm phương tiện vận tải				6	Xe nâng người boom lift 12 mét	1 Chiếc	2018
1	Xe tải chở đất và vật liệu 5 Tấn	1 Chiếc	2015	7	Xe nâng người boom lift 16 mét	2 Chiếc	2016
2	Xe tải chở đất và vật liệu 8 Tấn	1 Chiếc	2014	8	Xe nâng người boom lift 20 mét	2 Chiếc	2016
3	Xe tải thùng bạt 5 Tấn	1 Chiếc	2015	9	Xe nâng thẳng 8 mét	4 Chiếc	2017
4	Xe tải thùng bạt 3.5 Tấn	1 Chiếc	2018	10	Xe nâng thẳng 10 mét	6 Chiếc	2018
5	Xe tải thùng bạt 2.5 Tấn	2 Chiếc	2018	11	Xe nâng thẳng 12 mét	6 Chiếc	2018
6	Xe tải thùng bạt 1.5 Tấn	2 Chiếc	2017	12	Xe nâng thẳng 14 mét	6 Chiếc	2018
7	Xe su cóc	2 Chiếc	2018	13	Thang nâng thẳng 6 mét	2 Chiếc	2019
8	Xe bán tải	2 Chiếc	2019	14	Thang nâng thẳng 8 mét	1 Chiếc	2018
9	Xe 7 chỗ	2 Chiếc	2019	15	Thang nâng thẳng 10 mét	2 Chiếc	2018
10	Xe 4 chỗ	4 Chiếc	2018	16	Xe xúc đất	3 Chiếc	2015
II Nhóm phương tiện phục vụ thi công				17	Máy ủi	1 Chiếc	2014
1	Xe cầu tải 5 tấn	Chiếc 1	2018	18	Máy đầm nền, đường	1 Chiếc	2015
2	Xe cầu tải 10 tấn	Chiếc 1	2017	19	Máy đục phá	2 Chiếc	2016
3	Xe cầu tải 15 tấn	Chiếc 1	2018	20	Máy cắt bê tông	2 Chiếc	2014
4	Xe nâng hàng 2 tấn	Chiếc 2	2019	21	Máy đổ bê tông	2 Chiếc	2015
5	Xe nâng hàng 5 tấn	Chiếc 1	2019	22	Máy trộn bê bông	2 Chiếc	2015
				23	Xe nâng tay	8 Chiếc	2017

► DỊCH VỤ EEP CUNG CẤP

TƯ VẤN THIẾT KẾ

1 Với kinh nghiệm thi công nhiều công trình lớn nhỏ cho các tập đoàn, công ty có vốn đầu tư trong và ngoài nước, chúng tôi luôn được lòng khách hàng bởi những bản thiết kế sáng tạo, hiệu quả và tận tâm trong tư vấn. Việc thiết kế các hạng mục giúp doanh nghiệp:

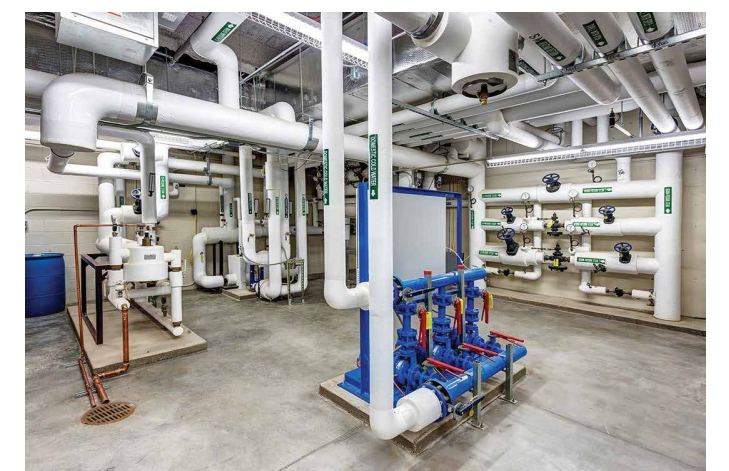
- Tối ưu hóa chi phí
- Đạt hiệu quả cao trong vận hành sản xuất
- Đáp ứng được các tiêu chí của các cơ quan ban ngành đề ra (đặc biệt là đối với hệ thống PCCC)

2 Đội ngũ kỹ sư của chúng tôi luôn tận lực đưa ra những bản thiết kế:

- Đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật
- Tiết kiệm tối đa chi phí đầu tư và vận hành
- Đảm bảo tính thẩm mỹ
- Đảm bảo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn.

3 Các hạng mục công trình thiết kế:

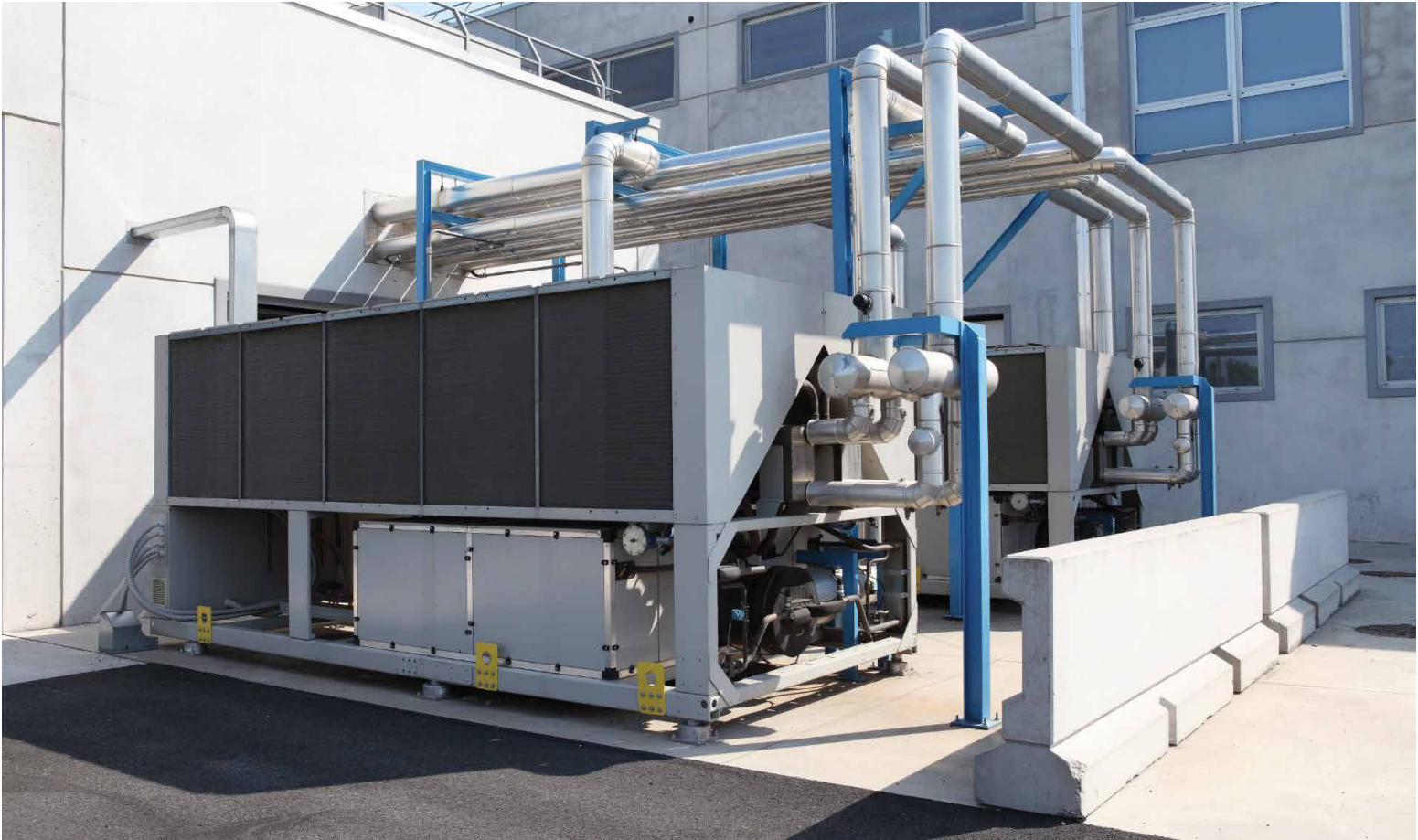
- Kiến trúc và kết cấu nhà xưởng.
- Hệ thống cơ điện.
- Hệ thống Phòng cháy & chữa cháy.
- Hệ thống HVAC.
- Hệ thống phụ trợ công nghiệp khác



16 - EEP - PROFILE



17 - EEP - PROFILE



THI CÔNG LẮP ĐẶT

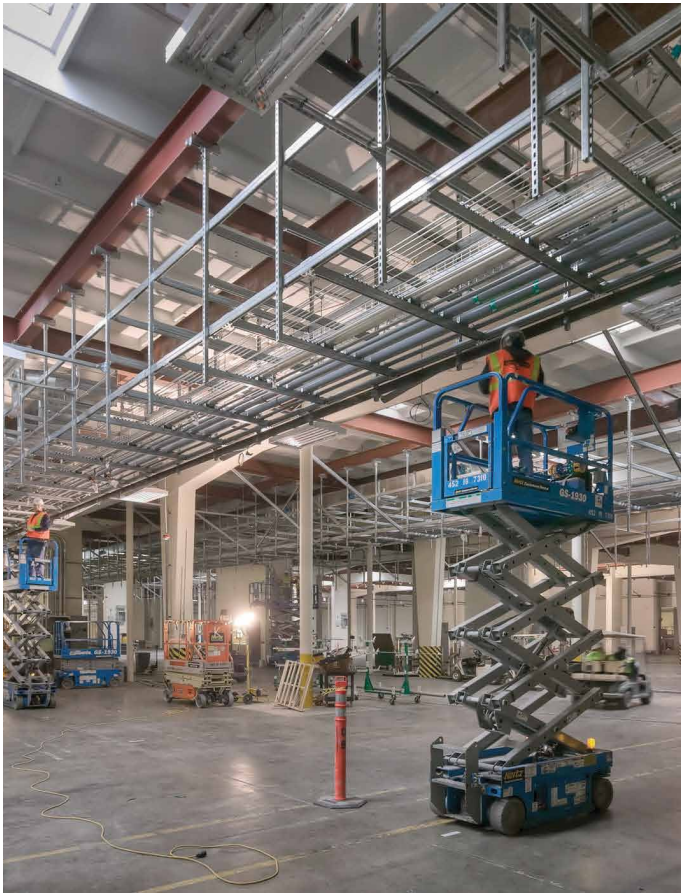
1 Chất lượng công trình luôn là vấn đề được khách hàng quan tâm hàng đầu nhằm đảm bảo quá trình vận hành hệ thống trơn tru và đạt hiệu quả tối ưu nhất. Việc lựa chọn đơn vị thi công lắp đặt hệ thống điện, PCCC, phụ trợ công nghiệp uy tín rất quan trọng. Bởi cần đạt các tiêu chí:

- An toàn vệ sinh trong công tác thi công.
- Chất lượng thi công đúng theo bản vẽ.
- Tiến độ thi công đảm bảo – giúp giảm tải chi phí.
- Tính thẩm mỹ cao.
- Giá thành phù hợp.

2 Các hạng mục thi công lắp đặt, lắp dựng:

- Lắp dựng nhà xưởng.
- Thi công nền bê tông nhà xưởng.
- Lắp dựng trần vách Panel – thạch cao.
- Thi công phòng sạch - kho lạnh.
- Lắp đặt hệ thống cơ điện.
- Lắp đặt hệ thống PCCC.
- Lắp đặt hệ thống HVAC (điều hòa – thông gió).
- Lắp đặt tháp giải nhiệt Cooling Tower.
- Thi công lắp đặt hệ thống điều hòa trung tâm Chiller.
- Lắp đặt hệ thống khí nén.
- Thi công lắp đặt nồi hơi Boiler.
- Lắp đặt hệ thống chống sét.
- Lắp đặt hệ thống hút bụi, hút mùi công nghiệp.
- Lắp đặt hệ thống Gas công nghiệp LPG.
- Lắp đặt hệ thống xử lý sự cố.
- Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, khí thải công nghiệp.
- Lắp đặt hệ thống điện nước phục vụ sản xuất.





CẢI TẠO SỬA CHỮA

1 Trong quá trình sản xuất và vận hành, các hệ thống trong nhà xưởng cần thường xuyên được cải tạo, sửa chữa. Đây là nhu cầu cấp thiết bởi 1 trong những nguyên nhân sau:

- Hỏng hóc thiết bị khi vận hành.
- Cải tạo thay đổi mục đích sử dụng.
- Di dời nhà xưởng.
- Cải tạo thay đổi công năng nhà xưởng
- ...

2 Chúng tôi luôn được khách hàng đối tác tin tưởng và đánh giá cao bởi:

- Tính cơ động cao – có mặt ngay khi có yêu cầu cần xử lý giúp chuỗi sản xuất của công ty không bị gián đoạn, thiết bị vận hành hiệu quả. Đội ngũ kỹ thuật, thợ thi công lành nghề luôn nghiên cứu và học tập nâng cao tay nghề.

3 Các hạng mục công trình cải tạo sửa chữa:

- Cải tạo và sửa chữa hệ thống PCCC.
- Cải tạo sửa chữa thiết bị cơ điện.
- Cải tạo sửa chữa thiết bị điều hòa.
- Cải tạo sửa chữa hệ thống thông gió.
- Sửa chữa máy sản xuất CNC.
- Sửa chữa máy nén khí.
- Cải tạo sửa chữa hệ thống khác.



24 - EEP - PROFILE



25 - EEP - PROFILE



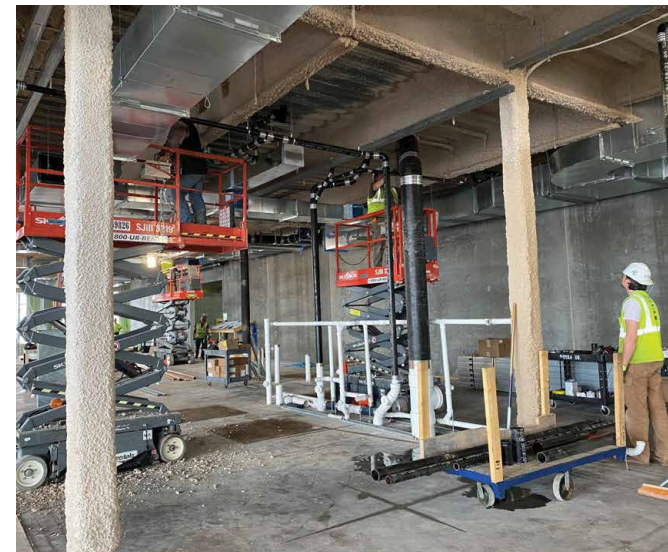
BẢO TRÌ, BẢO DƯỠNG, VỆ SINH NHÀ XƯỞNG

1 Việc bảo trì, bảo dưỡng thiết bị trong hệ thống cơ điện lạnh, PCCC và các hệ thống phụ trợ công nghiệp vô cùng cần thiết và cần được thực hiện định kỳ nhằm mục đích:

- Duy trì tuổi thọ của thiết bị và sự ổn định liên tục của nhà máy.
- Tăng tính thẩm mỹ cho công trình.
- Tiết kiệm năng lượng và chi phí cho doanh nghiệp.
- Tránh tình trạng hỏng hóc, chập cháy trong quá trình sản xuất hoặc sau những kỳ nghỉ dài.
- Đảm bảo yêu cầu của cơ quan chức năng đối với hệ thống PCCC nói riêng.

2 Các hạng mục cần bảo trì bảo dưỡng thường xuyên – định kỳ:

- Vệ sinh nhà xưởng.
- Thiết bị điều hòa không khí.
- Thiết bị PCCC.
- Trạm biến áp và thiết bị điện.
- Thiết bị máy bơm máy quạt.
- Hệ thống nén khí.
- Tháp giải nhiệt Cooling tower.
- Các thiết bị phụ trợ công nghiệp khác.



GIA CÔNG CƠ KHÍ – CHẾ TẠO

Các sản phẩm cơ khí trong nhà máy từ băng tải băng chuyền, các kệ giá để hàng, xe đẩy hàng, ... được thiết kế phù hợp theo từng ngành nghề lĩnh vực, từng vị trí và đặc điểm của của nhà máy cũng như dây chuyền sản xuất. Với tiêu chí chúng tôi sinh ra là để phục vụ khách hàng. Tự chủ từ khâu thiết kế, gia công, lắp ráp chúng tôi luôn hướng tới sự hài lòng của quý khách hàng.

Các sản phẩm chúng tôi gia công – chế tạo:

- Băng tải băng chuyền công nghiệp.
- Bàn thao tác trong nhà xưởng.
- Kệ/giá để hàng.
- Xe đẩy hàng công nghiệp.
- Hàng rào, tường rào khu công nghiệp.



PHÂN PHỐI – THƯƠNG MẠI

Nhằm đáp ứng được nhu cầu cấp thiết, tính chất sử dụng của các vật tư và thiết bị trong các quá trình xây lắp, cải tạo, sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng thay thế các vật tư thiết bị. Chúng tôi mở rộng phân phối & thương mại các loại vật tư, thiết bị, máy móc ứng dụng trong khu công nghiệp. Phục vụ nhu cầu lắp đặt mới, bảo trì, sửa chữa các hệ thống trong nhà xưởng, nhà máy. Phân loại vật tư chúng tôi cung cấp:

- Vật tư thiết bị, dụng cụ PCCC.
- Vật tư thiết bị điện.
- Vật tư thiết bị HVAC.
- Vật tư ống thép.
- Vật tư phụ.
- Vật tư thiết bị các hệ thống phụ trợ khác.



► DỰ ÁN ĐIỂN HÌNH

Chủ đầu tư:
Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam)

Dự án: Lắp đặt hệ thống PCCC, hệ thống điều hòa thông gió, lắp dựng trần – cửa panel, hệ thống điện và các hạng mục bảo trì, sửa chữa khác.

Địa chỉ: KCN Quang Châu, Việt Yên, Bắc Giang



Chủ đầu tư:
Công ty TNHH Ethertronics Vina 1/ 2

Dự án: Thiết kế - thi công hệ thống PCCC, Lắp đặt hệ thống thông gió, Bảo trì bảo dưỡng định kỳ các hệ thống PCCC, điều hòa, điện,... Các hạng mục sửa chữa và cung cấp thiết bị khác.

Địa chỉ: KCN Quế Võ (mở rộng), Bắc Ninh (1) & KCN Vân Trung, Bắc Giang (2)



Chủ đầu tư:
Công ty TNHH TENMA Việt Nam.

Dự án: Cải tạo sửa chữa PCCC, Bảo trì bảo dưỡng PCCC, cung cấp vật tư, thiết bị PCCC,...

Địa chỉ: KCN Quế Võ, Quế Võ, Bắc Ninh.



Chủ đầu tư:
Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Goertek Vina

Dự án: Lắp đặt hệ thống điều hòa, hệ thống điện, lắp đặt dây chuyền sản xuất, bảo trì bảo dưỡng hệ thống hút mùi, hạng mục sửa chữa khác,...

Địa chỉ: KCN Quế Võ (mở rộng), Nam Sơn, TP. Bắc Ninh.





Chủ đầu tư:
Công ty TNHH Sumitomo Electric Interconnect Products Việt Nam

Dự án: Lắp đặt hệ thống điều hòa, bảo dưỡng hệ thống PCCC, cải tạo xây dựng, bảo dưỡng máy nén khí,...
Địa chỉ: KCN Tiên Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh.



Chủ đầu tư:
Công ty TNHH Seojin System Vina

Dự án: Lắp đặt hệ thống PCCC, Bảo trì bảo dưỡng PCCC, Cung cấp vật tư PCCC,...
Địa chỉ: KCN Tiên Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh.



Chủ đầu tư:
Công ty TNHH Dynaplast Packaging

Dự án: Cải tạo – bảo trì bảo dưỡng hệ thống PCCC, lắp đặt hệ thống silo máy, cover sàn thao tác cho máy,...
Địa chỉ: KCN Vsip - Từ Sơn - Bắc Ninh.



Chủ đầu tư:
Công ty TNHH Nitto Việt Nam

Dự án: Lắp đặt điều hòa công nghiệp, cải tạo – Bảo trì bảo dưỡng hệ thống PCCC, cung cấp vật tư PCCC,...
Địa chỉ: KCN VSIP, Phù Chấn, Bắc Ninh.



Chủ đầu tư:
Công ty TNHH Quản lý chuỗi cung ứng quốc tế JUSDA Việt Nam

Dự án: Lắp đặt điều hòa, cải tạo nhà ăn, lát nền sảnh & cầu thang, cải tạo thảm trải sàn, Lắp thiết bị vệ sinh,...
Địa chỉ: KCN Tiên Sơn, Từ Sơn, Bắc Ninh



Chủ đầu tư:
Công ty CP Hanacans

Dự án: Lắp đặt sàn thao tác, Lắp cover cầu thang & cover máy, Lắp đặt đường ống hút khí thải, Bảo dưỡng máy sấy khí, Lắp đặt hàng rào an toàn cho băng tải palletizer,...
Địa chỉ: Đồng Nguyên, Từ Sơn, Bắc Ninh



Chủ đầu tư:
Công ty TNHH Fujikin Việt Nam

Dự án: Bảo dưỡng – sửa chữa hệ thống PCCC, sửa chữa điều hòa, cung cấp vật tư PCCC,...
Địa chỉ: KCN VSIP, Từ Sơn, Bắc Ninh



Chủ đầu tư:
Công ty TNHH Nichirin Việt Nam

Dự án: Lắp đặt HT điện, Gia cố trụ máy sản xuất, cải tạo phòng ủ ống dài & phòng giải lao, Lắp quạt hút gió, Bọc nổi hơi, ...
Địa chỉ: KCN Quang Châu, Việt Yên, Bắc Giang

▶ ĐỐI TÁC, KHÁCH HÀNG



Chủ đầu tư:
Công ty TNHH Peony

Dự án: Bảo trì bảo dưỡng PCCC, Sửa chữa thiết bị PCCC, cung cấp vật tư PCCC,...
Địa chỉ: KCN VSIP, Từ Sơn, Bắc Ninh



Chủ đầu tư:
Công ty TNHH ABB

Dự án: Lắp đặt hệ thống PCCC, Bảo dưỡng hệ thống PCCC, Thẩm duyệt hồ sơ PCCC, Lắp đặt hệ thống cơ điện kho đồng, cung cấp vật tư PCCC,...
Địa chỉ: Đồng Nguyên, Từ Sơn, Bắc Ninh



Chủ đầu tư:
Công ty TNHH sản xuất Biel Crystal Việt Nam

Dự án: Bảo trì bảo dưỡng PCCC, Sửa chữa PCCC, cung cấp vật tư PCCC
Địa chỉ: Đường 5, Đại Đồng, Tiên Du, Bắc Ninh



Chủ đầu tư:
Công ty TNHH Fushan Technology Việt Nam

Dự án: Bảo trì bảo dưỡng hệ thống PCCC, sửa chữa thiết bị PCCC, cung cấp vật tư PCCC,...
Địa chỉ: Số 8, đường 6, KCN VSIP Bắc Ninh, Phù Chấn, Từ Sơn, Bắc Ninh



“

EEP Việt Nam rất mong có được sự hợp tác với quý đối tác, khách hàng tại những dự án phù hợp. Nhằm mang lại giá trị cho hai bên, góp phần chung tay xây dựng nền kinh tế trong nước và khu vực.





EEP

CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH EEP VIỆT NAM

Tên viết tắt: EEP Việt Nam

Địa chỉ: Phú Xuân, Kim Chân, TP. Bắc Ninh,
Tỉnh Bắc Ninh

Hotline: 0865.937.899 - 0222.6.538.169

Email: codienlanh.eep@gmail.com

Website: eepvn.com.vn

VPGD: Phương cầu, Phương Liễu, Quế Võ, Bắc Ninh

VP Hà Nội: 75 Tam Trinh, Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội

VP Hải Dương: Thị Trấn Lai Cách, Cẩm Giàng, Hải Dương